BAO LONG INSURANCE

Bước vào kỷ nguyên mới

BỨT PHÁ ĐÓN TƯƠNG LAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2025

NỘI DUNG

Báo cáo thường niên 2025

Các con số nổi bật năm 2025 04
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 06

1 GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tổng quan về Bảo Long 10
Mạng lưới hoạt động 14
Cổ đông và Đối tác 16
Lịch sử hình thành và phát triển 18
Thông tin cổ phần và cổ đông 20
Sự kiện nổi bật năm 2025 22
Các giải thưởng tiêu biểu 24
Sơ đồ tổ chức 28
Giới thiệu Hội đồng Quản trị 30
Giới thiệu Ban Kiểm soát 34
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc 36

2 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2025 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 44
Triển vọng kinh tế vĩ mô và ngành bảo hiểm phi nhân thọ năm 2026 50
Mục tiêu năm 2026 52
Giải pháp kinh doanh và kế hoạch hành động năm 2026 54
Nguồn nhân lực và đào tạo 58
Rủi ro và quản lý rủi ro 62

3 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững 68
Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan 70
Trách nhiệm với môi trường 72

4 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Thông tin về Tổng Công ty 78
Báo cáo của Ban Điều hành 79
Báo cáo Kiểm toán độc lập 80
Bảng cân đối kế toán 82
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 86
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 89
Thuyết minh báo cáo tài chính 91

Mạng lưới hoạt động 143

CÁC CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2025

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

1.605

Tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

41,9

Tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

929

Tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN

2.774

Tỷ đồng

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ, Nhân viên,

Năm 2025 đã khép lại, đánh dấu cột mốc 30 năm hình thành và phát triển của Bảo Long (1995–2025). Đây không chỉ là một dấu ấn về thời gian mà còn là minh chứng cho hành trình bền bỉ, kiên định và không ngừng đổi mới của Bảo Long trong suốt ba thập kỷ qua.

Bối cảnh kinh tế năm 2025 tiếp tục đặt ra nhiều thách thức cho cộng đồng doanh nghiệp. Sự biến động của kinh tế toàn cầu, áp lực cạnh tranh trong nước và yêu cầu ngày càng cao về minh bạch, quản trị rủi ro đã buộc các doanh nghiệp bảo hiểm phải tái cấu trúc và nâng cao năng lực thích ứng. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được mức độ ổn định, tạo nền tảng cho thị trường bảo hiểm từng bước phục hồi và phát triển bền vững hơn.

Tổng quan thị trường và vị thế của Bảo Long

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2025 tiếp tục ghi nhận sự cạnh tranh mạnh mẽ, đặc biệt ở các nghiệp vụ chủ lực như xe cơ giới, tài sản – kỹ thuật và bảo hiểm con người. Song song đó, yêu cầu về chất lượng dịch vụ, tốc độ xử lý bồi thường và trải nghiệm khách hàng ngày càng trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, Bảo Long đã kiên định theo đuổi chiến lược tăng trưởng an toàn, chú trọng hiệu quả thay vì tăng trưởng nóng. Bảo Long tập trung củng cố nền tảng tài chính, nâng cao chất lượng khai thác và kiểm soát rủi ro, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ vào quản trị và vận hành.

Những dấu ấn nổi bật năm 2025

Năm 2025 ghi nhận nhiều bước tiến quan trọng:

- Hoàn thiện và vận hành ổn định hệ thống Core bảo hiểm phi nhân thọ, nâng cao mức độ tự động hóa và minh bạch trong quy trình nghiệp vụ.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng kết nối API với đối tác và gia tăng tỷ lệ giao dịch trực tuyến.
- Tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua cải tiến quy trình bồi thường và chăm sóc sau bán hàng.
- Tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

Đặc biệt, năm 2025 – năm kỷ niệm 30 năm thành lập – đã trở thành dịp để toàn hệ thống nhìn lại hành trình đã qua, củng cố giá trị cốt lõi và tái khẳng định cam kết phát triển bền vững.

Định hướng cho giai đoạn tiếp theo

Bước sang năm 2026 và giai đoạn phát triển mới, Bảo Long xác định tiếp tục:

- Nâng cao năng lực tài chính và quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực minh bạch.
- Đầu tư chiều sâu vào công nghệ và dữ liệu nhằm tối ưu hiệu quả vận hành.
- Phát triển sản phẩm linh hoạt, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, thích ứng với môi trường cạnh tranh mới.

Ba mươi năm là một chặng đường đáng tự hào, nhưng cũng là điểm khởi đầu cho hành trình dài phía trước. Với sự đồng hành của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác cùng tinh thần đoàn kết của toàn thể Cán bộ, Nhân viên, chúng tôi tin tưởng Bảo Long sẽ tiếp tục phát triển ổn định, nâng tầm thương hiệu và đóng góp tích cực cho thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành với Bảo Long. Kính chúc các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác thành công và thịnh vượng.

Trân trọng.

Chuyển mình thật mạnh mẽ
Kiến tạo giá trị mới

01 GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

10. Tổng quan về Bảo Long
14. Mạng lưới hoạt động
16. Cổ đông và Đối tác
18. Lịch sử hình thành và phát triển
20. Thông tin cổ phần và cổ đông
22. Sự kiện nổi bật năm 2025
24. Các giải thưởng tiêu biểu
28. Sơ đồ tổ chức
30. Giới thiệu Hội đồng Quản trị
34. Giới thiệu Ban Kiểm soát
36. Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc

TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995, với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng.

Bảo Long là Công ty Cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận số 05TC/GCN xác nhận đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long). Trải qua 30 năm hoạt động và phát triển, với 47 công ty thành viên và hơn 800 đại lý bảo hiểm cùng năng lực tài chính vững mạnh, đội ngũ Cán bộ Nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, Bảo Long hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của Khách hàng.

THÔNG TIN TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tên tiếng Anh	BAO LONG INSURANCE CORPORATION
Tên giao dịch tiếng Việt	BẢO HIỂM BẢO LONG
Tên viết tắt	BẢO LONG
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) do Bộ Tài Chính cấp vào ngày 15/4/2014
Trụ sở chính	185 Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(84.28) 38 239 219
Fax	(84.28) 38 228 967
Website	www.baolonginsurance.com.vn
Tài khoản số	Tên tài khoản: Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Bảo Long Số tài khoản: 007.1000.019.027 Tên ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)

TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG (Tiếp theo)

"ĐỒNG HÀNH ĐỒNG CHIA SẺ"

Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các Khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các Nhà Đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm được tín nhiệm hàng đầu

SỨ MỆNH

Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Con người là trọng tâm

Đội ngũ chính trực

Không ngừng đổi mới

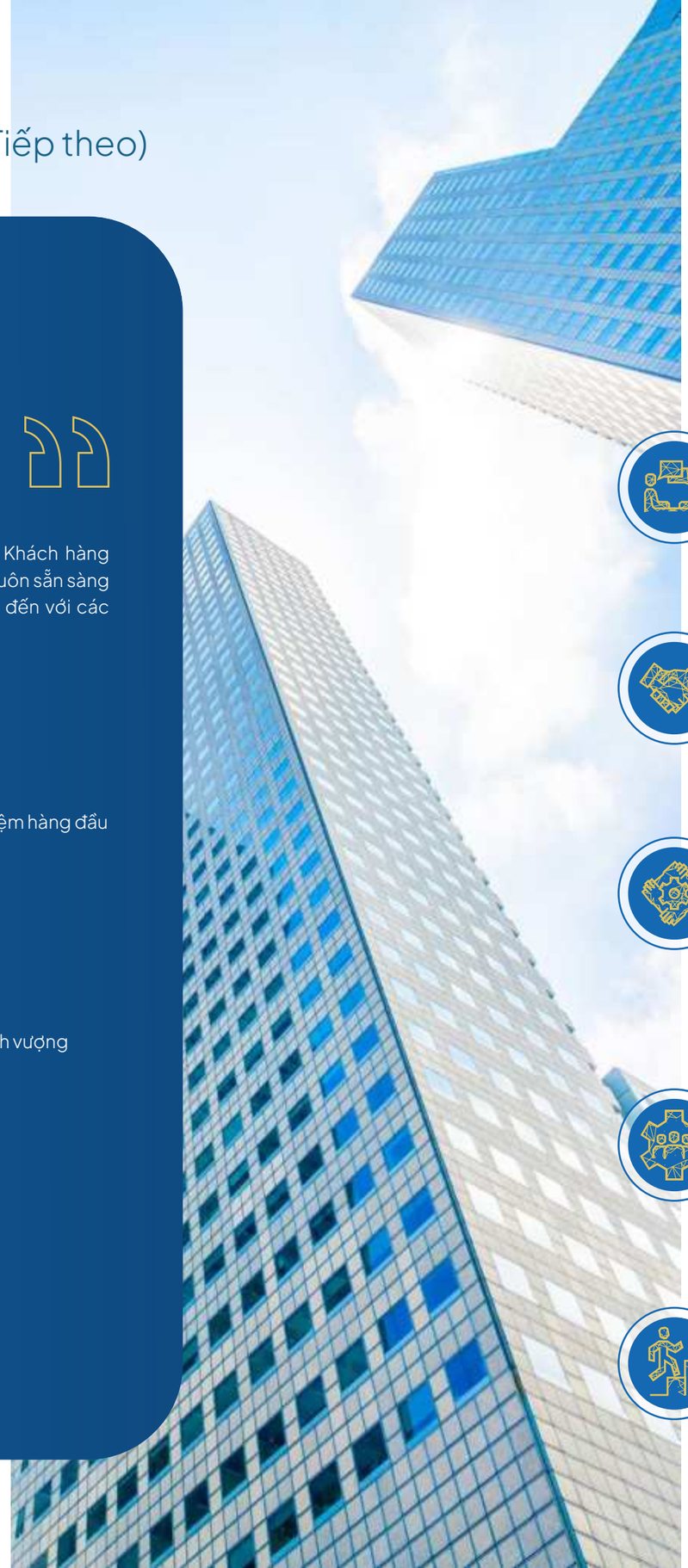

CAM KẾT

VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu của Khách hàng, đưa ra giải pháp sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ nhanh chóng, chính xác.

VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội cùng phát triển.

VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện phát triển cho tất cả Cán bộ Nhân viên.

VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu, đổi mới và hoàn thiện.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

47 CÔNG TY

TỔNG SỐ CÔNG TY THÀNH VIÊN

~800 ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

TỔNG SỐ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TRÊN TOÀN QUỐC

230 ĐIỂM GIAO DỊCH

TỔNG SỐ ĐIỂM GIAO DỊCH BẢO HIỂM

CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC

CỔ ĐÔNG

Bảo Long vinh dự có các cổ đông là những Doanh nghiệp có uy tín hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ ở Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) là những cổ đông lớn của Bảo Long.

ĐỐI TÁC

Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, Bảo Long vinh dự được cộng tác với nhiều đối tác lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau:

Ngân hàng
Những ngân hàng hàng đầu như TPBank, Sacombank, ACB, OCB, SCB, NCB, Eximbank, BVBank, VietBank, KienLongBank...

Kênh phân phối bảo hiểm truyền thống
Các công ty môi giới hàng đầu trên thị trường như Aon, Marsh, Willis Towers Watson, Aegis, Hưng Nghiệp Insurance Broker

Kênh phân phối bảo hiểm phi truyền thống, số hóa các sản phẩm bảo hiểm cá nhân
Viettel, MSH, Momo, FUSE, ZaloPay, Livwell, GenRe...

Tái bảo hiểm
Ngoài ra, Bảo Long đã cộng tác rất hiệu quả và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà Tái bảo hiểm lớn trên thế giới như Arundo Re (tiền thân là CCR Re), R+V Re, SCOR Re, Korean Re; Canopius, Hannover Re, Saudi Re...

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Nhà Rồng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Bảo Long là Công ty Cổ phần Bảo hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

2012

Ngày 14/5/2012, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

2013

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 6 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 19 đơn vị.

2014

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu cổ đông có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân hàng TMCP Sài Gòn là cổ đông chiến lược của Bảo Long. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

2015

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán BLI. Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 30 đơn vị và vinh dự nhận được giải thưởng "Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015" do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn.

2016

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 71/GPD9C9/KDBH do Bộ Tài chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị. Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2017

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị thành viên và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2018

Với mục tiêu CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN -NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU, Bảo Long đã đạt được dấu ấn 1.092 tỷ đồng doanh thu, vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng, đánh dấu một tầm cao mới của Bảo Long trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Đây là bước đệm quan trọng để Bảo Long hướng đến Doanh nghiệp 2.000 tỷ theo chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

2019

Năm 2019, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, phân vùng hoạt động kinh doanh thành 2 trung tâm kinh doanh miền và 9 vùng trải dài từ Bắc chí Nam. Bảo Long tiếp tục nhận được các giải thưởng Thương hiệu Mạnh và Tin & Dùng Việt Nam.

2020

Bảo Long kỷ niệm 25 năm thành lập bằng nhiều hoạt động nổi bật như tổ chức thành công chương trình talkshow "Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng", thực hiện chương trình khuyến mại "Bảo Long - Vì một cộng đồng bình an và thịnh vượng" với tổng giá trị giải thưởng lên đến 25 lượng vàng SJC, ra mắt gói sản phẩm Điều trị ung thư quốc tế Global Cancer Care thông qua chương trình "Bảo Long - Vì chúng tôi quan tâm đến bạn" cùng nhiều hoạt động hướng về cộng đồng. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN và Thương hiệu Tin & Dùng Việt Nam.

2021

Năm 2021, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự Lãnh đạo. Ra mắt nhiều sản phẩm dịch vụ có chất lượng quốc tế, tập trung phủ sóng truyền thông kỹ thuật số. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN.

2022

Năm 2022, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự Lãnh đạo, tìm kiếm và phát triển đội ngũ kinh doanh với nhiều chương trình hỗ trợ nhân sự. Tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm, kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu tư vấn cho Khách hàng. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 10 Sản phẩm chất lượng tốt được người Việt tin dùng.

2023

Bảo Long mở rộng phát triển kinh doanh, mạng lưới Khách hàng thông qua việc thành lập các Trung tâm Kinh doanh tại các Khu vực trọng điểm. Ngoài ra, Bảo Long cũng điều chỉnh, củng cố hoạt động của bộ máy nhân sự, tập trung đào tạo và đề cử nhân sự tham gia thi các chứng chỉ nghiệp vụ theo quy định của Bộ Tài chính nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng của nhân sự. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

2024

Bên cạnh việc rà soát và từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức phù hợp với định hướng hoạt động, đánh giá và xây dựng đội ngũ nhân sự có kiến thức, có kinh nghiệm chuyên sâu nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, trong năm qua, Bảo Long đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hướng đến kỷ nguyên chuyển đổi số. Theo đó, các quy trình vận hành, sản phẩm dịch vụ được cải tiến tinh gọn hơn, hiệu quả hơn, mang đến trải nghiệm ngày càng tốt hơn cho Khách hàng và Đối tác.

2025

Tiếp nối các hoạt động đã triển khai, Bảo Long tiếp tục rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức phù hợp với định hướng phát triển; đồng thời chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Năm 2025 ghi nhận dấu ấn quan trọng với việc hoàn thiện hệ thống core, nền tảng cốt lõi cho lộ trình chuyển đổi số; cùng với đó, các quy trình vận hành tiếp tục được cải tiến theo hướng quản lý chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn, mang đến trải nghiệm ngày càng tốt hơn cho Khách hàng và Đối tác.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN

VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025 tại ngày 31/12/2025

600.000.000.000 đồng

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Vốn điều lệ của Công ty: 600.000.000.000 đồng

Số cổ phiếu đang lưu hành: 59.999.474 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 526

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số cổ phiếu niêm yết: 60.000.000 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

ĐVT: Cổ phần

Năm	Cá nhân trong nước	Tổ chức trong nước	Cá nhân nước ngoài	Tổ chức nước ngoài
2023	5.441.410	54.081.449	109.888	367.253
2024	5.598.960	53.784.899	186.088	430.053
2025	**5.497.120**	**53.802.642**	**197.288**	**502.950**

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025

Năm 2025 là một năm đặc biệt đối với Bảo Long khi đánh dấu cột mốc 30 năm hình thành và phát triển trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Trong suốt hành trình ba thập kỷ, Bảo Long không ngừng nỗ lực nâng cao năng lực quản trị, mở rộng hoạt động kinh doanh và củng cố uy tín thương hiệu, cũng như xây dựng nền tảng vững chắc.

Trong năm qua, Bảo Long đã triển khai nhiều hoạt động và sáng kiến quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, đẩy mạnh chuyển đổi số. Bên cạnh đó, các chương trình kỷ niệm 30 năm thành lập cũng được tổ chức với nhiều dấu ấn ý nghĩa, góp phần nhìn lại chặng đường phát triển và định hướng cho giai đoạn tăng trưởng mới.

14/01/2025

Cuộc thi chạy bộ online "Run for the future" diễn ra trên phạm vi toàn quốc dành cho tất cả CBNV của Bảo Long nhằm mục đích cải thiện sức khỏe và tạo sân chơi lành mạnh cho nhân viên.

07/02/2025

Khởi đầu năm mới, Ban Lãnh đạo gặp mặt và chúc mừng năm mới cùng các CBNV tại Trụ Sở Chính cũng như có chuyến thăm các Công ty thành viên tại các khu vực nhằm động viên và chúc Tết đến các nhân viên đang công tác tại Bảo Long.

12/4/2025

Ngày 12/4/2025, Bảo Long vinh hạnh nhận được giải thưởng "Thương Hiệu Mạnh Quốc Gia 2025". Đánh dấu chặng đường 30 năm xây dựng uy tín thương hiệu trên thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

24/4/2025

Ngày 21/04/2025, Bảo Long tổ chức thành công Đại Hội Cổ Đông thường niên 2025. Tại Đại hội, Bảo Long thông báo đến các cổ đông các số liệu kinh doanh, xin ý kiến về các kế hoạch kinh doanh trong năm kế tiếp cũng như tổng kết hành trình 30 năm hoạt động trên thị trường Việt Nam.

9/7/2025

Ngày 9/7/2025, Vòng chung kết toàn quốc giải bóng đá Bảo Long Super Cup chính thức khai mạc. Dưới sự chứng kiến của Ban Lãnh đạo cũng như toàn thể CBNV, các đội vô địch từng miền đã sôi nổi tranh tài hướng đến chiếc cúp vô địch kỷ niệm 30 năm thành lập của Công ty.

10/7/2025

Ngày 10/7/2025, Bảo Long tổ chức chương trình Hội thi kiến thức dành cho các CBNV chủ chốt của các Đơn vị trên toàn quốc. Cuộc thi thể hiện tình đoàn kết, tinh thần học hỏi về các kiến thức có liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm.

11/7/2025

Ngày 11/07/2025, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã tổ chức thành công chương trình Gala kỷ niệm 30 năm thành lập. Buổi Gala không chỉ là dịp nhìn lại chặng đường phát triển 30 năm mà còn góp phần tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các CBNV trong toàn hệ thống. Đồng thời, chương trình cũng thực hiện tổng kết hoạt động năm tài chính 2025 và vinh danh, trao thưởng cho các cá nhân tập thể có thành tích xuất sắc, đóng góp nổi bật trong năm cũng như trong quá trình phát triển của Bảo Long.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

2006

- Cúp Vàng "THƯƠNG HIỆU VIỆT"

2009

- Bằng khen doanh nghiệp đã có nhiều thành tích đóng góp vào quá trình phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường Bảo Hiểm Việt Nam từ năm 1999 – 2009

2012

- Top 20 "DỊCH VỤ VÀNG VIỆT NAM"

2015

- Bằng khen của Bộ Tài chính về việc "Đã có nhiều thành tích trong hoạt động kinh doanh góp phần xây dựng và phát triển thị trường Bảo Hiểm trong giai đoạn từ 2010 đến 2015"
- Cúp và giấy chứng nhận "DỊCH VỤ BẢO HIỂM TỐT NHẤT VIỆT NAM" do Tạp chí Global Banking & Finance review của Anh Quốc bình chọn

2016

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM NĂM 2015" do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn
- Top 10 "CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM UY TÍN"

2017

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM NĂM 2016" do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn
- Top 10 "CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM UY TÍN"
- Top 20 "THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG"
- Top 20 "SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO 2017" với sản phẩm Bảo Hiểm BẢO TÂM AN

2018

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM" 3 năm liên tiếp do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn
- Top 10 "CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM UY TÍN" 3 năm liên tiếp
- Top 500 "DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM" – Theo mô hình Fortune 500 - 4 năm liên tiếp

2019

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM" do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn
- Danh hiệu "THƯƠNG HIỆU TIN & DÙNG VIỆT NAM"
- Top 500 "DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM" – Theo mô hình Fortune 500

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU (Tiếp theo)

2020

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN"
- Danh hiệu "THƯƠNG HIỆU TIN VÀ DÙNG VIỆT NAM"

2021

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN"
- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM"
- Danh hiệu "THƯƠNG HIỆU TIN VÀ DÙNG VIỆT NAM"

2022

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM"
- Top 10 "SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG TỐT ĐƯỢC NGƯỜI VIỆT TIN DÙNG"

2023

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM"
- Top 500 "DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM" – Theo mô hình Fortune 500

2024

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN"

2025

- Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH QUỐC GIA"

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

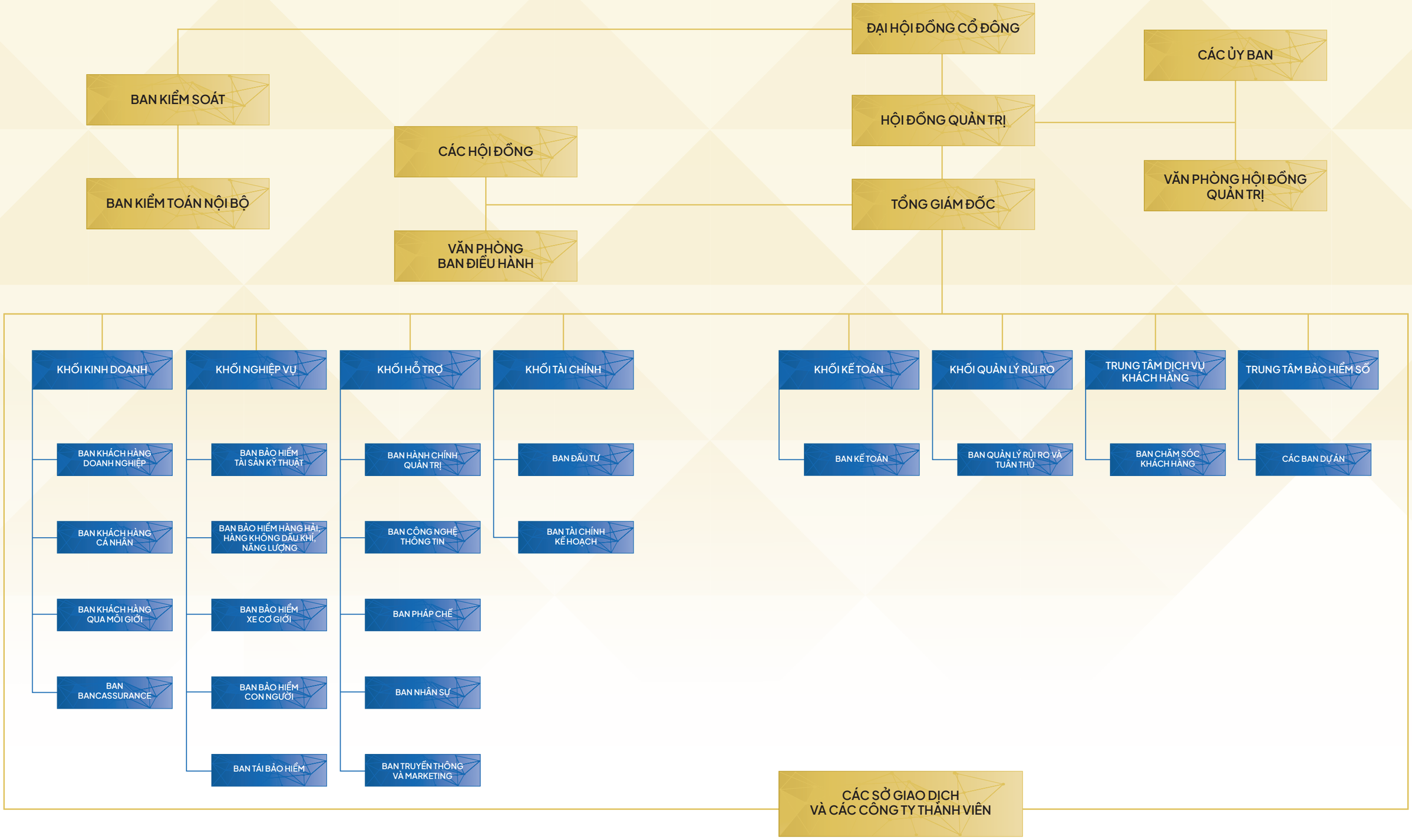
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÁC ỦY BAN
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC HỘI ĐỒNG
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
TỔNG GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG BAN ĐIỀU HÀNH
KHỐI KINH DOANH
BAN KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
BAN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
BAN KHÁCH HÀNG QUA MÔI GIỚI
BAN BANCASSURANCE
KHỐI NGHIỆP VỤ
BAN BẢO HIỂM TÀI SẢN KỸ THUẬT
BAN BẢO HIỂM HÀNG HẢI, HÀNG KHÔNG DẦU KHÍ, NĂNG LƯỢNG
BAN BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI
BAN BẢO HIỂM CON NGƯỜI
BAN TÁI BẢO HIỂM
KHỐI HỖ TRỢ
BAN HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ
BAN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BAN PHÁP CHẾ
BAN NHÂN SỰ
BAN TRUYỀN THÔNG VÀ MARKETING
KHỐI TÀI CHÍNH
BAN ĐẦU TƯ
BAN TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
KHỐI KẾ TOÁN
BAN KẾ TOÁN
KHỐI QUẢN LÝ RỦI RO
BAN QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
BAN CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
TRUNG TÂM BẢO HIỂM SỐ
CÁC BAN DỰ ÁN
CÁC SỞ GIAO DỊCH VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ, Tốt nghiệp Khóa Lý luận Chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 53 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực thương mại, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

ÔNG PHAN QUỐC DŨNG

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải, tốt nghiệp Chương trình sau đại học Fulbright Kinh tế học ứng dụng.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fulbright Kinh tế học ứng dụng.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kế toán kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

BÀ PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

ÔNG LẠI QUỐC PHONG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính trường Đại học Michigan, Thạc sĩ Luật tại Đại học Luật St.Thomas, Hoa Kỳ.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nikko Ventures.

ÔNG HÀ THẾ ĐỊNH

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

BÀ NGUYỄN HỒ THU THỦY

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp chế ngân hàng.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Giám đốc Khối Pháp chế - Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

BÀ TRỊNH THỊ THANH

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BÀ NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 33 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

ÔNG TÔN THẤT DIÊN KHOA

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 29 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Giám đốc Đầu tư Tài chính Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank).

ÔNG NGUYỄN MẠNH HẢI

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG PHAN QUỐC DŨNG

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải, tốt nghiệp Chương trình sau đại học Fulbright Kinh tế học ứng dụng.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 36 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG HÀ MINH HIẾU

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG MAI HỒNG VIỆT

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Khách hàng qua Môi giới.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(Tiếp theo)

ÔNG TRẦN THANH NAM

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành.

ÔNG NGUYỄN NGỌC LÂN

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 21 năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng Đông Bắc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh.

BÀ LÊ THANH HẰNG

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 28 năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long.

ÔNG HÀ HOÀNG GIANG

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành Máy tàu thủy.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 26 năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Trưởng Ban khai thác Dự án lớn.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(Tiếp theo)

ÔNG MAI XUÂN THẢO

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 26 năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Bảo hiểm Bảo Long Gia Định.

BÀ NGUYỄN THÚY HẰNG

Giám đốc Khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc: Hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính, bảo hiểm.

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị.

Đồng hành trong tin cậy

Gắn kết bằng công nghệ

02 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2025 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2026

44. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025
50. Triển vọng kinh tế vĩ mô và ngành bảo hiểm phi nhân thọ năm 2026
52. Mục tiêu năm 2026
54. Giải pháp kinh doanh và kế hoạch hành động năm 2026
58. Nguồn nhân lực và đào tạo
62. Rủi ro và quản lý rủi ro

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế thế giới cũng như thị trường bảo hiểm Việt Nam. Những biến động của kinh tế toàn cầu, áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành bảo hiểm cùng với yêu cầu ngày càng cao về quản trị rủi ro, minh bạch thông tin và chất lượng dịch vụ đã đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành. Bên cạnh đó, tình hình thiên tai, bão lụt liên tục và nghiêm trọng khiến đời sống người dân và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng.

Trong bối cảnh như vậy, Bảo Long đã chủ động triển khai các giải pháp quản trị linh hoạt, tiếp tục phát huy chiến lược phát triển giai đoạn 2023–2027 với sự đầu tư trọng tâm vào việc nâng cấp hệ thống, chuyển đổi số trong dịch vụ và cung cấp sản phẩm nhằm mang lại chất lượng và trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng.

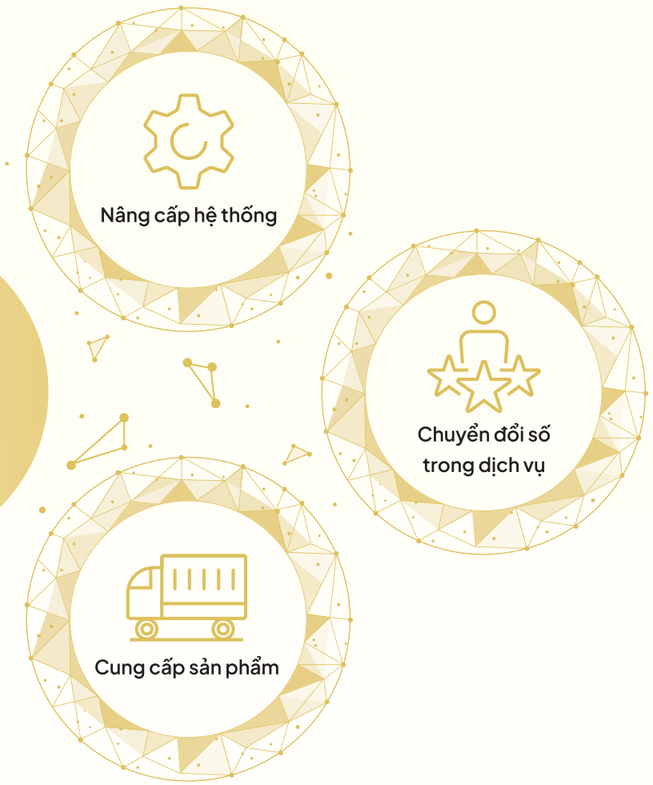

Nhờ sự kiên định trong định hướng chiến lược cùng tinh thần đoàn kết của toàn thể cán bộ nhân viên, Bảo Long không ngừng tiếp tục củng cố hệ thống phân phối trên toàn quốc. Công ty cũng từng bước mở rộng các kênh phân phối hiện đại, mạng lưới đại lý và các nền tảng bảo hiểm số nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 tiếp tục khẳng định khả năng thích ứng linh hoạt và năng lực quản trị của Bảo Long trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Công ty bước sang giai đoạn phát triển mới sau cột mốc 30 năm hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định và bền vững trong những năm tiếp theo.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
DN: C=VN, L=TP HCM, CN=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301458065
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-15 16:08:06
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.1

PHAN QUỐC DŨNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 (Tiếp theo)

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	KH 2025 Triệu đồng	TH 2025 Triệu đồng	HTKH %
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
Doanh thu phí bảo hiểm	1.609.000	1.605.390	**99,8%**
Chi phí hoạt động kinh doanh BH	1.373.802	1.394.049	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động KDBH	**235.199**	**211.340**	**90%**
Hoạt động đầu tư tài chính			
Doanh thu	63.060	74.634	
Chi phí	2.000	10.377	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	**61.060**	**64.258**	**105%**
Thu nhập từ hoạt động khác	-	(1.032)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	240.135	232.707	
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	56.124	41.859	75%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU	KH 2025 Triệu đồng	TH 2025 Triệu đồng	HTKH %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	922.093	963.477	104%
Vốn chủ sở hữu	945.076	928.605	98%
Danh mục đầu tư	1.635.853	1.672.057	102%
Tổng tài sản	2.681.000	2.773.717	104%

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

1.605 Tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

41,9 Tỷ đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 (Tiếp theo)

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 là năm thứ ba Bảo Long triển khai chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023–2027, với ba ưu tiên chiến lược (1) Công nghệ hóa, (2) Năng lực hoạt động, (3) Văn hóa và thương hiệu.

Cùng với ba ưu tiên chiến lược là năm nhóm giải pháp được triển khai để đạt được mục tiêu trên bao gồm: (1) Hiệu suất, (2) Chuyên môn, (3) Cải tiến sáng tạo, (4) KPIs, (5) Gắn kết.

Kết quả thực hiện được trong năm 2025 như sau:

NHÓM 01. Hiệu suất

- Hệ thống bảo hiểm số Megamind đã go-live đối với nhóm sản phẩm Hàng hóa, Tàu thuyền;
- Hoàn thiện việc triển khai các sản phẩm trên Nền tảng phân phối sản phẩm bảo hiểm cá nhân (Sales Platform) và triển khai các kết nối với đối tác tổ chức, ngân hàng, ví điện tử thông qua Phân hệ bán hàng qua giao thức API (Bảo Minh Khang, LivWell, Fuse,...);
- Triển khai hệ thống phê duyệt-thanh toán online, kết nối với ngân hàng - Bảo Long Banking;
- Rà soát và cập nhật hệ thống quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công tác lao động trên cơ sở các quy định pháp luật mới được cơ quan quản lý nhà nước ban hành. Việc điều chỉnh được thực hiện theo lộ trình nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động của Bảo Long.

NHÓM 02. Chuyên môn

- Nâng cao chất lượng đội ngũ đại lý. Rà soát và chuyển đổi chứng chỉ đại lý theo quy định mới của cơ quan quản lý nhà nước. Công tác chuyển đổi đã được thực hiện đồng bộ trên toàn hệ thống và hoàn thành theo đúng lộ trình yêu cầu.
- Phân công tái cấu trúc đơn vị cho các Giám đốc vùng để nâng cao tính "địa phương", đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc.

NHÓM 03. Cải tiến sáng tạo

- Tăng cường tự động hóa trên cơ sở sự hoàn thiện của hệ thống Megamind. Bắt đầu triển khai quản lý công nợ tự động trên hệ thống Megamind, hệ thống sẽ tự động khóa user của cán bộ quản lý hợp đồng có công nợ quá hạn thanh toán theo quy định. Theo đó, tỷ lệ công nợ phí bảo hiểm gốc bình quân năm 2025 giảm còn 3,0% so với năm 2024 (3,6%);
- Triển khai các giải pháp thanh toán online và thẻ tín dụng cho toàn hệ thống.

NHÓM 04. KPIs

- Rà soát hệ thống chỉ tiêu KPIs đang áp dụng trên toàn hệ thống, thực hiện điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu nhằm phù hợp hơn với tình hình hoạt động thực tế và định hướng kinh doanh của Bảo Long.

NHÓM 05. Gắn kết

- Thực hiện các chương trình hướng đến chuỗi hoạt động kỷ niệm Bảo Long 30 năm, bao gồm: Thiết kế áo thun đồng phục, Vòng quay may mắn hàng tháng, Cuộc thi làm video clip "Câu chuyện Bảo Long – Cá chép hóa rồng", Giải chạy bộ "Run for the future", Giải bóng đá "Bảo Long Super Cup 2025", Cuộc thi Văn nghệ "The voice of Bảo Long", Cuộc thi kiến thức, Buổi tiệc tổng kết năm - trao thưởng cho các Đơn vị/cá nhân xuất sắc và tri ân cho sự đóng góp trong chặng hành trình suốt 30 năm của Bảo Long.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ NĂM 2026

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2026 được dự báo là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế vĩ mô toàn cầu. Các yếu tố như sự bất ổn địa chính trị, biến động giá năng lượng, căng thẳng thương mại và tác động của biến đổi khí hậu tạo ra những áp lực lớn cho các quốc gia.

Ảnh hưởng lớn nhất là căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt xung đột giữa Mỹ - Israel và Iran từ 28/02/2026 gây áp lực lên thị trường năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu. Giá dầu và chi phí vận tải tăng gây nhiều biến động cho thị trường tài chính quốc tế. Bên cạnh đó, việc giá năng lượng và chi phí sản xuất gia tăng làm dấy lên lo ngại về nguy cơ lạm phát quay trở lại nhiều nền kinh tế, từ đó có thể làm chậm quá trình phục hồi và tăng trưởng của kinh tế toàn cầu trong giai đoạn tới. Trước ngày 28/02/2026, nhiều tổ chức quốc tế dự báo kinh tế thế giới năm 2026 có thể tăng trưởng trên 3%, sau khi xung đột bùng nổ các tổ chức quốc tế đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng xuống khoảng 3% hoặc thấp hơn, tùy thuộc vào diễn biến của chiến tranh.

Bên cạnh các rủi ro địa chính trị, chính sách thương mại của Mỹ đang làm gia tăng sự bất định đối với kinh tế toàn cầu. Mỹ đề xuất áp dụng mức thuế nhập khẩu chung khoảng 10%-15% đối với hàng hóa từ hầu hết các quốc gia nhằm bảo vệ sản xuất trong nước và giảm thâm hụt thương mại. Động thái này làm dấy lên nguy cơ căng thẳng thương mại khi nhiều nền kinh tế lớn bày tỏ quan ngại và cân nhắc các biện pháp phản ứng.

Ngoài ra, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu cũng sẽ tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế thế giới năm 2026 như nông nghiệp, an ninh lương thực, năng lượng, thương mại và chuỗi cung ứng.

NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Ngày 13/11/2025, Quốc hội thông qua Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội 2026 với mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên. Mục tiêu này được đặt ra trước thời điểm xung đột giữa Mỹ - Israel và Iran bùng nổ vào ngày 28/02/2026 bên cạnh cam kết thúc đẩy tăng trưởng của Chính phủ, đầu tư hạ tầng cùng động lực từ xuất khẩu và FDI. Tuy nhiên sau thời điểm này, OECD và các định chế tài chính quốc tế dự báo Việt Nam tăng trưởng khoảng 5–7%.

Xuất nhập khẩu là trụ cột tăng trưởng mang tính chiến lược của nền kinh tế Việt Nam, nhưng năm 2026 sẽ đối mặt với áp lực từ suy giảm nhu cầu tại các thị trường lớn như Mỹ, Trung Quốc và các nước Châu Âu, cùng với xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại và các tiêu chuẩn xanh khắt khe.

Áp lực lạm phát được dự báo chịu tác động trễ từ tăng trưởng tín dụng cao của năm trước, cùng với biến động giá dầu, khí và nguyên vật liệu đầu vào, đẩy chi phí vốn lên cao và sức ép lên mặt bằng giá trong nước.

Ngoài những yếu tố kinh tế, chính trị, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, gây ra rủi ro cho sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng.

Bên cạnh những rủi ro tiềm ẩn, kinh tế Việt Nam năm 2026 vẫn có nhiều điểm sáng từ nội lực. Ngoài đầu tư công tiếp tục giữ vai trò đầu kéo, dòng vốn FDI được dự báo duy trì ổn định, hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất và chuyển giao công nghệ. Đồng thời, tiến trình cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy hành chính được kỳ vọng cải thiện môi trường đầu tư và giảm quy trình thủ tục.

TRIỂN VỌNG NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Năm 2026, Cơ quan quản lý dự kiến tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt gần 98.371 tỷ đồng, tăng gần 11,25% so với năm 2025. Đây là dự đoán vào đầu năm 2026, tuy nhiên sau thời điểm xung đột giữa Mỹ - Israel và Iran bùng nổ vào ngày 28/02/2026, nhiều chuyên gia nhận định đây là kế hoạch đầy thách thức khi thị trường bảo hiểm vẫn còn phải đối mặt với những ảnh hưởng lớn từ nền kinh tế thế giới và trong nước.

Trước hết, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong nước sẽ đối mặt với những biến động lớn do tác động cuộc xung đột. Cụ thể, các nhà Tái bảo hiểm quốc tế sẽ siết chặt các điều khoản và loại trừ bảo hiểm hoặc tăng phí, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Lạm phát tăng cao cũng ảnh hưởng đến chi phí bồi thường của các nghiệp vụ bảo hiểm như xe cơ giới, sức khỏe.

Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và các rủi ro thảm họa ngày càng gia tăng, khiến chi phí bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm có xu hướng tăng lên, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị rủi ro và điều chỉnh chính sách định phí phù hợp.

Ngoài khó khăn ở mảng kinh doanh bảo hiểm thì xu hướng lãi suất giảm cũng sẽ tác động tới lợi nhuận của các doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian tới khi phần lớn lợi nhuận hoạt động tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đến từ kênh tiền gửi ngân hàng.

Điểm sáng của ngành bảo hiểm phi nhân thọ 2026 là khung pháp lý tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp; kết hợp với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý sẽ tạo nền tảng cho sự phát triển an toàn, ổn định và bền vững của thị trường bảo hiểm trong thời gian tới.

MỤC TIÊU NĂM 2026

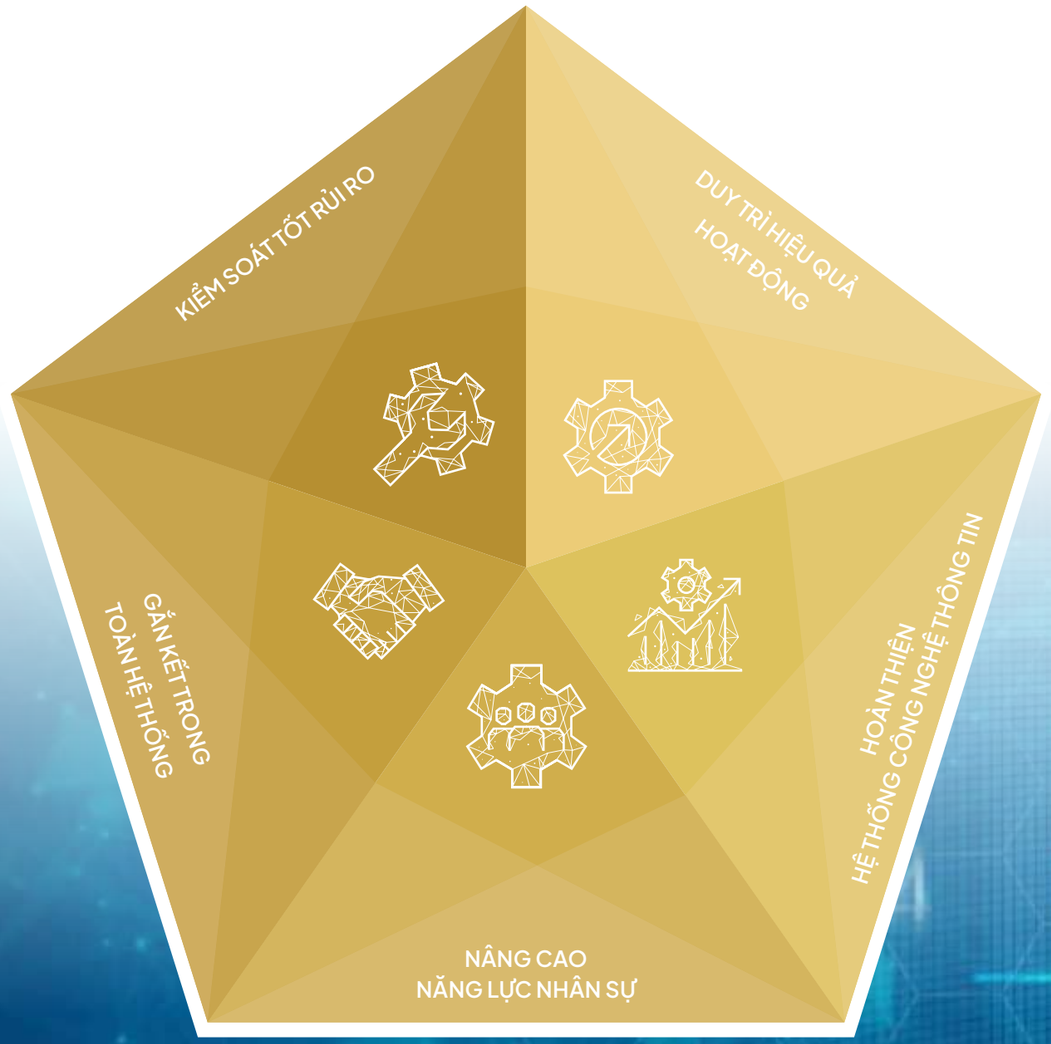

Năm 2026 là năm thứ 4 Bảo Long triển khai chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023 - 2027. Trong bối cảnh rủi ro kinh tế chính trị toàn cầu tăng cao, nền kinh tế trong nước vẫn còn nhiều thách thức, Bảo Long sẽ tiếp tục tập trung vào các vấn đề cốt lõi ưu tiên sự ổn định hệ thống và an toàn hoạt động, cụ thể bao gồm các mục tiêu sau: kiểm soát tốt rủi ro, duy trì hiệu quả hoạt động; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực nhân sự, gắn kết trong toàn hệ thống.

Các mục tiêu của năm 2026 phù hợp với chiến lược phát triển của giai đoạn với ba ưu tiên chiến lược

GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2026

Hiệu suất

Nâng cao năng lực hoạt động toàn diện để thích ứng với môi trường rủi ro tăng cao.

Chuyên môn

Ưu tiên đầu tư vào con người - tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp.

Cải tiến sáng tạo

Các giải pháp cải tiến và sáng tạo được nghiên cứu và triển khai thường xuyên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

KPIs

Sử dụng hệ thống KPIs để tạo động lực đồng thời là kim chỉ nam hành động trong toàn hệ thống.

Gắn kết

Xây dựng môi trường gắn kết là nền tảng cho sự phát triển bền vững, không chỉ gắn kết nội bộ mà gắn kết hài hòa với cộng đồng, xã hội.

GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2026 (Tiếp theo)

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2026

CHỈ TIÊU	TH 2025 Triệu đồng	KH 2026 Triệu đồng	Tăng trưởng %
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
Doanh thu phí bảo hiểm	1.605.390	1.610.000	0%
Chi phí hoạt động kinh doanh BH	1.394.049	1.383.625	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động KDBH	**211.340**	**226.375**	**7%**
Hoạt động đầu tư tài chính			
Doanh thu	74.634	72.000	
Chi phí	10.377	2.000	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	**64.258**	**70.000**	**9%**
Thu nhập từ hoạt động khác	**(1.032)**	**-**	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**232.707**	**233.376**	
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	**41.859**	**63.000**	**51%**

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU	TH 2025 VNDm	KH 2026 VNDm	Tăng trưởng %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	963.477	980.000	2%
Vốn chủ sở hữu	928.605	979.005	5%
Danh mục đầu tư	1.672.057	1.687.943	1%
Tổng tài sản	2.773.717	2.841.000	2%

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

BẢO LONG LUÔN TIN RẰNG BẰNG CÁCH TỐI ĐA HÓA ĐỘNG LỰC VÀ KHẢ NĂNG CỦA MỖI NHÂN VIÊN, THÔNG QUA ĐÓ, BẢO LONG CÓ THỂ GIA TĂNG MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VÀ LIÊN TỤC NÂNG CAO GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU, MANG LẠI LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG. BẢO LONG LUÔN CỐ GẮNG XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC ĐỂ MỖI THÀNH VIÊN ĐỀU CẢM THẤY HÀI LÒNG VỚI CÔNG VIỆC VÀ NUÔI TRONG MÌNH ĐỘNG LỰC TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN HƠN NỮA CÙNG BẢO LONG.

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO (Tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Bảo Long tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao và đủ khả năng thích ứng với sự thay đổi liên tục của môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh. Mỗi cá nhân đều có cơ hội rèn luyện, thử thách và phát huy tài năng trong một môi trường làm việc đoàn kết, đồng lòng hướng đến mục tiêu chung.

Đặc biệt, Bảo Long chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, tạo điều kiện cho họ làm việc trong một môi trường trung thực, cởi mở, thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới. Công ty cũng đảm bảo chế độ đãi ngộ tương xứng, đồng thời xây dựng niềm tự hào và tinh thần gắn kết với tổ chức.

CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số nhân sự của Bảo Long đạt 981 người, trong đó:

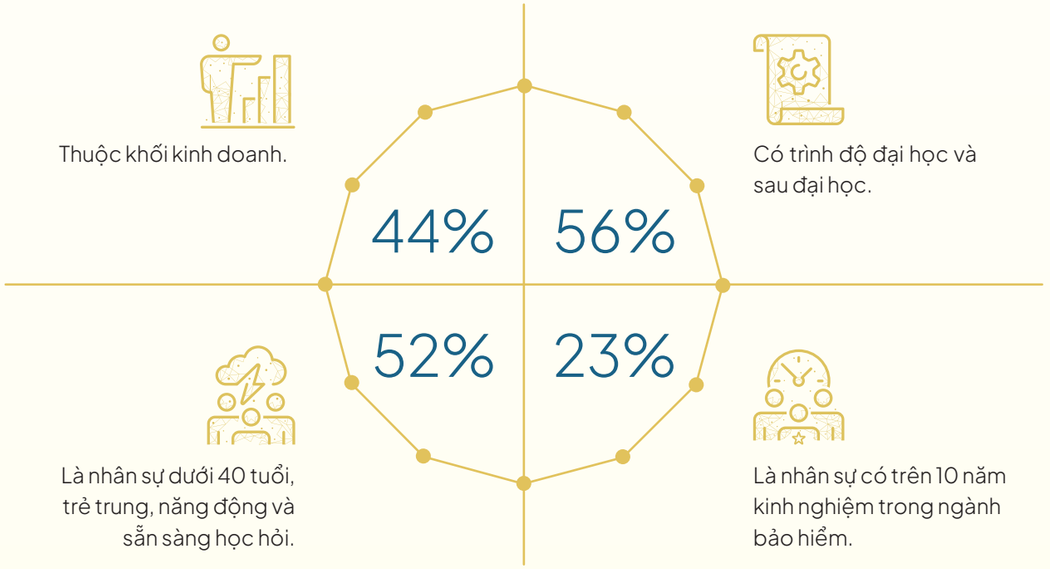

Bảo Long luôn không ngừng cập nhật kiến thức mới, thay đổi và cải thiện môi trường văn hóa doanh nghiệp, tạo dựng nền tảng vững chắc cho nhân sự, nhằm mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng.

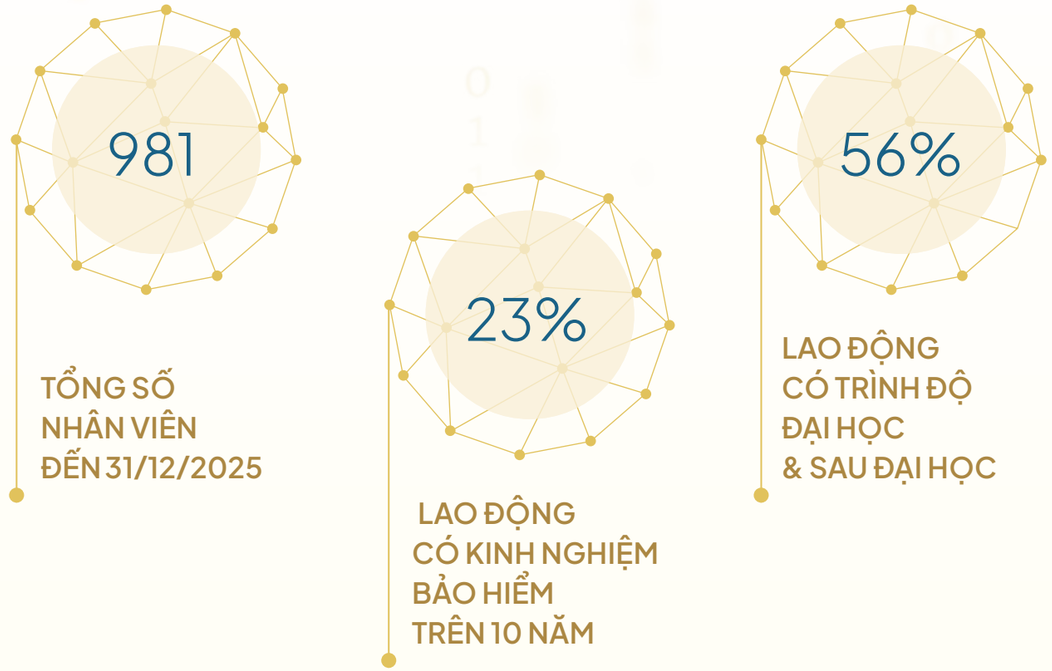

Bảo Long duy trì chính sách lương, thưởng cạnh tranh, gắn liền với hiệu quả kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân. Ngoài ra, công ty còn cung cấp nhiều phúc lợi hấp dẫn nhằm nâng cao đời sống nhân viên, bao gồm:

- Chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ.
- Du lịch, nghỉ mát hằng năm.
- Bảo hiểm sức khỏe, tai nạn, bảo hiểm xe máy.
- Quà tặng tiền mặt nhân dịp sinh nhật và các ngày lễ trong năm.

Bảo Long cam kết tiếp tục xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, nơi mỗi nhân viên đều có cơ hội mạnh mẽ phát triển và đóng góp vào sự thành công chung của công ty.

RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm Việt Nam ngày càng cạnh tranh, chịu tác động mạnh từ biến động kinh tế vĩ mô, biến đổi khí hậu, rủi ro công nghệ và yêu cầu tuân thủ pháp lý ngày càng cao, quản trị rủi ro (QTRR) trở thành một trụ cột cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững của các công ty bảo hiểm nói chung và Bảo Long nói riêng. QTRR ngoài vai trò giúp Bảo Long xác định, đánh giá, đo lường, lên kịch bản các sự kiện rủi ro có thể xảy ra mà còn là công cụ hỗ trợ ra quyết định, tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao năng lực cạnh tranh.

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Phù hợp với định hướng chung của Bảo Long trong giai đoạn mới, công tác quản trị rủi ro được xây dựng theo các nguyên tắc và định hướng sau:

Chính sách quản trị rủi ro

Bảo Long phải có chính sách quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch, trong đó xác định rõ các loại rủi ro trọng yếu và các rủi ro có liên quan phát sinh từ hoạt động kinh doanh, khẩu vị rủi ro và cách thức quản lý đối với từng loại rủi ro.

Quản trị rủi ro trọng yếu

Nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi rủi ro trọng yếu và triển khai quản trị rủi ro trên toàn bộ hoạt động kinh doanh của Bảo Long bao gồm rủi ro bảo hiểm, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro đối tác, rủi ro thanh khoản.

Gắn QTRR với chiến lược kinh doanh

Mọi quyết định về sản phẩm, thị trường, đầu tư, tái bảo hiểm và phân phối đều được đánh giá rủi ro – lợi nhuận trên cùng một khuôn khổ.

Chủ động phòng ngừa thay vì bị động xử lý

Tăng cường nhận diện sớm rủi ro, xây dựng kịch bản và kế hoạch ứng phó nhằm giảm thiểu tác động khi rủi ro xảy ra.

Tuân thủ chuẩn mực và quy định pháp luật

Đảm bảo phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định của cơ quan quản lý và tiệm cận thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro.

MỤC TIÊU QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2026, Bảo Long đặt ra các mục tiêu trọng tâm cho công tác quản trị rủi ro như sau:

- Bảo đảm an toàn tài chính, duy trì khả năng thanh toán và biên an toàn vốn theo quy định.
- Kiểm soát hiệu quả rủi ro nghiệp vụ bảo hiểm, hạn chế tổn thất lớn, tổn thất mang tính thảm họa.
- Tăng cường, nâng cao nhận thức văn hóa rủi ro và trách nhiệm quản lý rủi ro của cán bộ, nhân viên tại Bảo Long.
- Nâng cao chất lượng quản trị rủi ro vận hành, giảm thiểu sai sót nghiệp vụ, gian lận và gián đoạn hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại Bảo Long.
- Nhận diện được tất cả các rủi ro trong hoạt động hàng ngày, tạo cơ sở dữ liệu rủi ro vững vàng để từng bước định lượng rủi ro, hướng đến mục đích tối đa hóa lợi nhuận trên cơ sở có điều chỉnh rủi ro, gia tăng giá trị cổ đông trong dài hạn đồng thời bảo đảm rủi ro luôn luôn nằm trong khẩu vị rủi ro mong muốn của HĐQT.

RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO (Tiếp theo)

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2026

Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên, Bảo Long dự kiến triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Hoàn thiện khung quản trị rủi ro

- Rà soát, cập nhật các chính sách, quy trình QTRR phù hợp với định hướng kinh doanh và yêu cầu pháp lý mới.
- Tổ chức duy trì, đảm bảo tuân thủ thực hiện quản trị rủi ro với 03 tuyến bảo vệ độc lập.

Nâng cao quản trị rủi ro nghiệp vụ bảo hiểm

- Tăng cường công tác thẩm định, kiểm soát điều khoản, điều kiện bảo hiểm đối với các nghiệp vụ có mức độ rủi ro cao.
- Tối ưu chương trình tái bảo hiểm nhằm giảm thiểu rủi ro, bảo vệ kết quả kinh doanh, tối ưu lợi nhuận trước các tổn thất lớn.
- Ứng dụng công nghệ trong phân tích rủi ro, định phí và quản lý bồi thường.

Quản trị rủi ro tài chính và đầu tư

- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản.
- Đa dạng hóa danh mục đầu tư, đảm bảo cân đối giữa an toàn, thanh khoản và hiệu quả sinh lời.
- Tăng cường giám sát đối tác, tổ chức tín dụng và các khoản phải thu nhằm hạn chế rủi ro tín dụng.

Quản trị rủi ro vận hành và công nghệ

- Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường kiểm soát nội bộ và quản lý tuân thủ.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với an toàn thông tin, an ninh mạng và kế hoạch dự phòng kinh doanh liên tục (BCP).
- Nâng cao năng lực phòng chống gian lận bảo hiểm.

Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa rủi ro

- Tổ chức đào tạo chuyên sâu về quản trị rủi ro cho đội ngũ quản lý và cán bộ nghiệp vụ.
- Lồng ghép yếu tố rủi ro vào hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI).
- Xây dựng văn hóa rủi ro minh bạch, khuyến khích báo cáo sớm và trung thực các rủi ro phát sinh.

Quản trị rủi ro là nền tảng quan trọng giúp Bảo Long phát triển an toàn, bền vững và hiệu quả. Với định hướng rõ ràng và kế hoạch cụ thể cho năm 2026, Bảo Long hướng tới xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiện đại, chủ động và phù hợp thông lệ, qua đó hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện chiến lược kinh doanh và gia tăng giá trị bền vững lâu dài.

Vững tiến tương lai số

Khẳng định tầm vóc mới

03 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

68. Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững
70. Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
72. Trách nhiệm với môi trường và phát triển bền vững

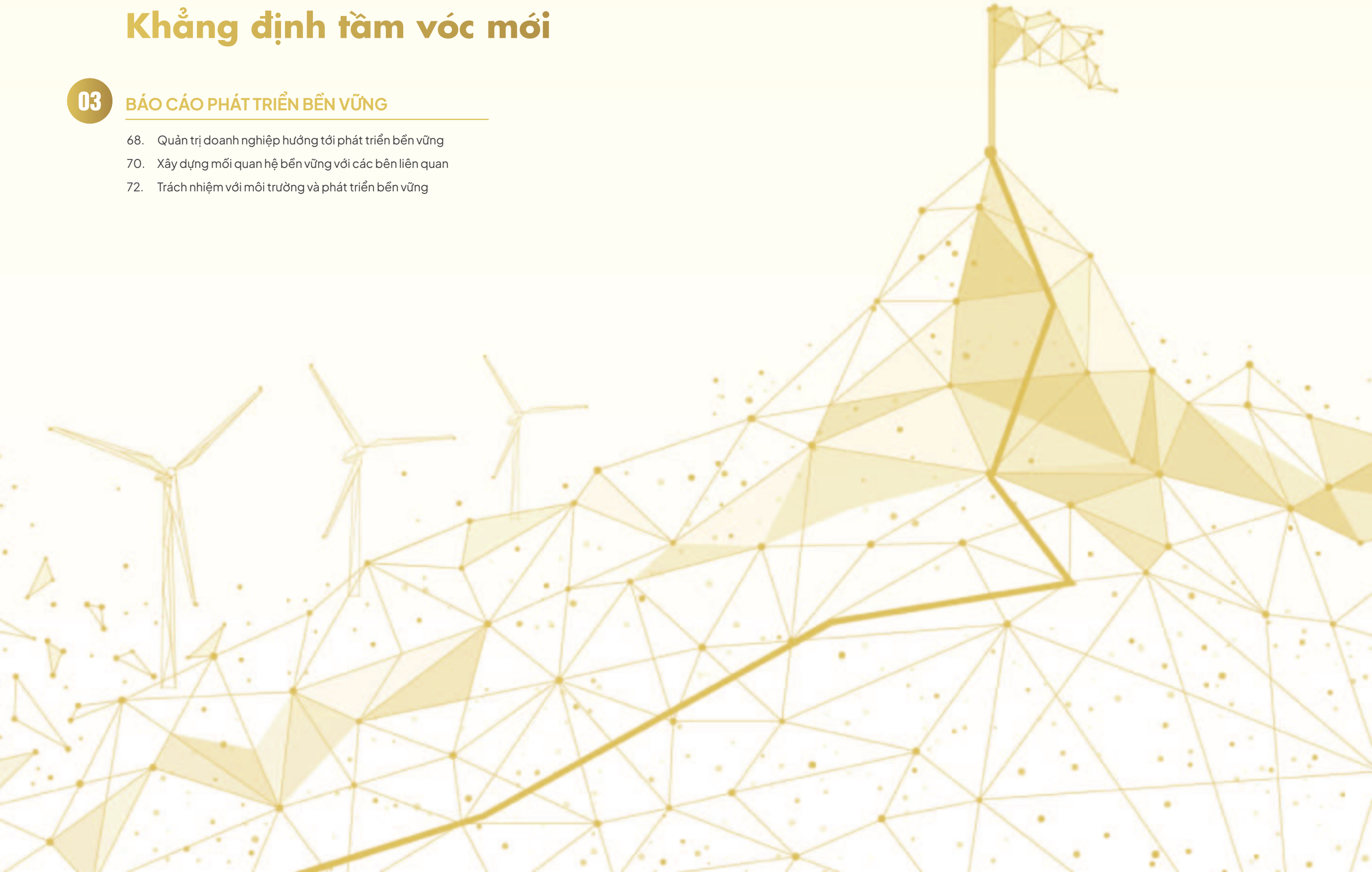

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp với những tác động kéo dài từ bất ổn địa chính trị, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn, thiên tai liên tục kéo dài. Trong bối cảnh đó, thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng, song đồng thời phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, cùng yêu cầu cao hơn về Quản trị rủi ro, minh bạch thông tin và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Bước vào năm bản lề trong hành trình phát triển, hướng tới cột mốc 30 năm thành lập, Bảo Long tiếp tục khẳng định định hướng quản trị doanh nghiệp gắn liền với phát triển bền vững. Bảo Long chủ động điều chỉnh mô hình hoạt động theo hướng công nghệ hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đồng thời tối ưu hóa chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Trên nền tảng phát triển theo chiến lược dài hạn, Bảo Long tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng đáp ứng nhu cầu của thị trường, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Việt Nam. Đồng thời, Bảo Long đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị và vận hành, từng bước nâng cao tính tự động hóa, khả năng kiểm soát và chất lượng phục vụ.

Bên cạnh đó, Bảo Long chú trọng nâng cao tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, tăng cường hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, đồng thời liên tục rà soát, cải tiến quy trình nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động và bảo vệ quyền lợi của cổ đông, khách hàng và người lao động.

Xác định con người là yếu tố cốt lõi của sự phát triển bền vững, Bảo Long tiếp tục xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ Nhân sự. Các chính sách đãi ngộ và phúc lợi được duy trì và cải thiện, góp phần gia tăng sự gắn kết và động lực làm việc của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống.

Với nền tảng kinh nghiệm và uy tín trên thị trường, cùng sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, Bảo Long tiếp tục hướng tới mục tiêu mới, tiếp bước chặng đường phát triển vững bền của cột mốc 30 năm nhằm nâng cao năng lực quản trị, củng cố vị thế trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong chiến lược phát triển bền vững, Bảo Long luôn coi trọng việc xây dựng và duy trì mối quan hệ gắn kết với các bên liên quan, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và người lao động. Trong bối cảnh kinh tế năm 2025 tiếp tục có nhiều biến động nhưng vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực tại Việt Nam, Bảo Long đã chủ động thích ứng với môi trường kinh doanh mới, tăng cường hợp tác và minh bạch thông tin nhằm tạo dựng niềm tin lâu dài với các bên liên quan.

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Bảo Long luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các chính sách quản lý trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm. Trong năm 2025, khi các cơ quan quản lý tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao công tác giám sát thị trường, Bảo Long đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc triển khai chính sách mới, tham gia đóng góp ý kiến tại các diễn đàn và hội thảo chuyên ngành.

Bên cạnh đó, Bảo Long cũng tích cực cập nhật và phổ biến kịp thời các quy định mới đến khách hàng và đối tác, góp phần nâng cao tính minh bạch của thị trường bảo hiểm và đảm bảo hoạt động kinh doanh tuân thủ quy định pháp luật.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo Long tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư trên cơ sở minh bạch, tin cậy và hướng tới tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

Trong năm 2025, Bảo Long tập trung triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông:

Phát triển hiệu quả, gia tăng giá trị doanh nghiệp

- Thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty theo chuẩn mực minh bạch và hiệu quả.
- Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản của doanh nghiệp, bao gồm cả tài sản hữu hình và tài sản vô hình, từ đó gia tăng giá trị cổ đông.

Tăng cường kênh thông tin và đối thoại

- Duy trì các kênh truyền thông minh bạch, tạo điều kiện để cổ đông và nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin.
- Tăng cường trao đổi và đối thoại với các bên liên quan nhằm chia sẻ kịp thời định hướng chiến lược và kết quả hoạt động của Bảo Long.

Minh bạch thông tin tài chính

- Công bố đầy đủ, chính xác các thông tin tài chính và kết quả kinh doanh theo quy định, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư và cổ đông.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Với phương châm "Đồng hành – Đồng chia sẻ", Bảo Long luôn đặt khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động kinh doanh. Trong năm 2025, Bảo Long tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Bảo Long không ngừng mở rộng hệ thống phân phối thông qua nhiều kênh khác nhau như Bancassurance, môi giới bảo hiểm, mạng lưới đại lý và các nền tảng bảo hiểm số. Việc đa dạng hóa kênh phân phối giúp gia tăng khả năng tiếp cận khách hàng, đồng thời tạo thuận lợi cho khách hàng trong việc lựa chọn và sử dụng sản phẩm bảo hiểm.

Song song đó, Bảo Long tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh và chăm sóc khách hàng, nâng cấp hệ thống dịch vụ trực tuyến và trung tâm chăm sóc khách hàng 24/7. Bảo Long cũng duy trì và hoàn thiện hệ thống giám định theo ngành dọc, đồng thời cải tiến quy trình giám định – bồi thường theo hướng nhanh chóng, minh bạch và thuận tiện hơn, nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho khách hàng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bảo Long luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Với quan điểm "Con người là tài sản quý giá", Công ty không ngừng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết và tạo điều kiện để mỗi cán bộ nhân viên phát huy năng lực của mình.

Trong năm 2025, Bảo Long tiếp tục duy trì các chính sách lương, thưởng và phúc lợi cạnh tranh, đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Bảo Long chú trọng các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và khả năng thích ứng với quá trình chuyển đổi số trong ngành bảo hiểm.

Bên cạnh đó, các hoạt động nội bộ và chương trình phát triển văn hóa doanh nghiệp tiếp tục được triển khai nhằm xây dựng một môi trường làm việc tích cực, gắn kết và hướng tới mục tiêu phát triển chung của Bảo Long.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỐI ƯU HÓA NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN

Trọng tâm không chỉ dừng lại ở tiết kiệm điện mà còn hướng đến quản lý và tiêu thụ năng lượng một cách có hệ thống.

Các giải pháp được duy trì và nâng cao gồm:

- Ứng dụng thiết bị điện tiết kiệm năng lượng, từng bước thay thế các thiết bị tiêu hao điện năng lớn.
- Kiểm soát nhiệt độ điều hòa ở mức hợp lý nhằm tối ưu hiệu suất vận hành.
- Thực hiện nguyên tắc "tắt khi không sử dụng" đối với toàn bộ hệ thống điện sau giờ làm việc.
- Bảo trì định kỳ hệ thống kỹ thuật nhằm đảm bảo vận hành ổn định và tiết kiệm năng lượng.

Song song đó, Bảo Long luôn tăng cường truyền thông nội bộ về ý thức sử dụng điện, nước một cách tiết kiệm, xem đây là một phần trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ THÚC ĐẨY VĂN PHÒNG XANH

Với đặc thù môi trường làm việc văn phòng, chất thải phát sinh chủ yếu là giấy và vật tư tiêu hao. Bảo Long tập trung vào giải pháp giảm phát sinh tại nguồn thay vì chỉ xử lý sau thu gom.

Các hoạt động trọng tâm:

- Khuyến khích số hóa tài liệu, hạn chế in ấn không cần thiết.
- Tái sử dụng giấy in một mặt cho tài liệu nội bộ.
- Bố trí thùng rác tại các khu vực làm việc và thực hiện thu gom định kỳ theo quy định.
- Duy trì vệ sinh môi trường trong và xung quanh tòa nhà, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn cho cán bộ nhân viên.

Thông qua việc thúc đẩy mô hình "văn phòng xanh", Bảo Long từng bước giảm thiểu lượng rác thải và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp theo)

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động, Bảo Long duy trì các biện pháp kiểm soát chất lượng không khí tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc:

- Bố trí cây xanh trong khu vực làm việc để cải thiện môi trường vi khí hậu.
- Lắp đặt và bảo dưỡng định kỳ hệ thống thông gió, điều hòa không khí.
- Quản lý khu vực đỗ xe khoa học, hạn chế tình trạng vượt mức phát sinh khí thải.
- Khuyến khích cán bộ nhân viên và khách hàng tắt máy xe khi vào khuôn viên Công ty.

Các giải pháp này góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện và bền vững. thường xuyên.

CHUYỂN ĐỔI SỐ – GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG DÀI HẠN

Chuyển đổi số tiếp tục là một trong những giải pháp trọng tâm nhằm giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên.

Hệ thống Core Bảo hiểm Phi nhân thọ Megamind được vận hành ổn định, tích hợp các phân hệ bán hàng, quản lý nghiệp vụ và thanh toán trực tuyến. Việc đẩy mạnh giao dịch điện tử, kết nối API với đối tác và tích hợp thanh toán ngân hàng không chỉ nâng cao trải nghiệm khách hàng mà còn góp phần giảm thiểu đáng kể việc sử dụng hồ sơ giấy.

Trong thời gian tới, Bảo Long tiếp tục mở rộng các phân hệ nghiệp vụ và hoàn thiện hệ thống quản lý tập trung, hướng đến mô hình vận hành tinh gọn, minh bạch và thân thiện với môi trường.

Bảo Long xác định bảo vệ môi trường không phải là hoạt động ngắn hạn mà là một phần trong chiến lược phát triển bền vững. Thông qua quản trị hiệu quả, nâng cao nhận thức nội bộ và đẩy mạnh chuyển đổi số, Công ty hướng đến mục tiêu tăng trưởng ổn định đi đôi với trách nhiệm xã hội và môi trường.

Nội lực tài chính mạnh

Minh bạch tạo niềm tin

04 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

78. Thông tin về Tổng Công ty

79. Báo cáo của Ban Điều hành

80. Báo cáo Kiểm toán độc lập

82. Bảng cân đối kế toán

86. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

89. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

91. Thuyết minh báo cáo tài chính

143. Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	1529/GP-UB	ngày 11 tháng 7 năm 1995
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH ngày 9 tháng 6 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1995.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	059614	ngày 2 tháng 8 năm 1995
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
	Ông Phan Quốc Dũng	Phó Chủ tịch Thường trực
	Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch
	Ông Lại Quốc Phong	Thành viên
	Bà Phạm Minh Châm	Thành viên
	Ông Hà Thế Định	Thành viên
	Bà Trịnh Thị Thanh	Thành viên
	Bà Nguyễn Hồ Thu Thủy	Thành viên
Ban Điều hành	Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Minh Châm	Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Tài chính
	Ông Hà Minh Hiếu	Kế toán trưởng
	Bà Nguyễn Thúy Hằng	Giám đốc khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT
Ban Kiểm soát	Bà Lê Thị Thanh Bình	Trưởng ban (đến ngày 24 tháng 4 năm 2025)
	Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Thành viên
	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Trụ sở đăng ký	185 Điện Biên Phủ Phường Tân Định Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00496-26-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	**100**		**2.590.655.617.612**	**2.406.280.444.477**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**95.234.992.150**	**137.852.240.575**
Tiền	111		70.234.992.150	117.852.240.575
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.613.548.900.691**	**1.473.948.587.654**
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	19.174.800.000	4.186.371.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(3.391.528.000)	(2.611.498.100)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.554.000.496.734	1.426.122.904.439
Đầu tư ngắn hạn khác	128	5(c)	45.229.761.811	47.129.179.580
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5(c)	(1.464.629.854)	(878.369.265)
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**6**	**407.162.840.692**	**411.257.397.571**
Phải thu của khách hàng	131		292.520.052.244	301.685.061.902
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	*131.1*		*292.520.052.244*	*301.685.061.902*
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		137.186.799.791	132.616.331.420
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(22.544.011.343)	(23.043.995.751)
Hàng tồn kho	**140**		**443.113.908**	**389.404.189**
Hàng tồn kho	141		443.113.908	389.404.189
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**59.397.648.799**	**55.076.173.303**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	59.397.648.799	55.076.173.303
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	*151.1*		*54.703.208.371*	*50.173.824.017*
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	*151.2*		*4.694.440.428*	*4.902.349.286*
Tài sản tái bảo hiểm	**190**	**17(a)**	**414.868.121.372**	**327.756.641.185**
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		128.064.395.273	105.421.632.419
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		286.803.726.099	222.335.008.766

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	**200**		**183.061.608.516**	**169.312.932.741**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**6**	**12.355.837.083**	**12.501.863.144**
Phải thu dài hạn khác	218		12.355.837.083	12.501.863.144
Ký quỹ bảo hiểm	*218.1*		*12.000.000.000*	*12.000.000.000*
Phải thu dài hạn khác	*218.2*		*355.837.083*	*501.863.144*
Tài sản cố định	**220**		**108.127.617.737**	**115.822.867.271**
Tài sản cố định hữu hình	221	8	15.855.132.164	17.130.844.630
Nguyên giá	*222*		*45.816.116.378*	*46.523.416.092*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(29.960.984.214)*	*(29.392.571.462)*
Tài sản cố định vô hình	227	9	84.539.273.073	91.593.810.141
Nguyên giá	*228*		*111.936.026.627*	*111.561.026.627*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(27.396.753.554)*	*(19.967.216.486)*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	7.733.212.500	7.098.212.500
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5(b)**	**21.000.000.000**	**-**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		22.503.000.000	1.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**41.578.153.696**	**40.988.202.326**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.117.915.416	21.716.624.619
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	6.809.770.575	5.654.346.263
Tài sản dài hạn khác	268		12.650.467.705	13.617.231.444
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.773.717.226.128**	**2.575.593.377.218**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.845.111.787.971**	**1.675.362.908.877**
Nợ ngắn hạn	**310**		**1.843.578.738.638**	**1.671.886.502.944**
Phải trả cho người bán	312		306.790.769.744	315.108.597.942
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	*312.1*	*13*	*306.790.769.744*	*315.108.597.942*
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	18.232.376.514	21.598.350.811
Phải trả người lao động	315		14.305.751.827	7.062.928.667
Chi phí phải trả	316		21.804.816.129	21.560.749.002
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.421.550.909	19.850.800.446
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	57.243.633.590	70.443.812.887
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	31.434.736.093	27.048.197.426
Dự phòng nghiệp vụ	329		1.378.345.103.832	1.189.213.065.763
Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	*329.1*	*17(a)*	*663.546.657.822*	*607.889.059.450*
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	*329.2*	*17(a)*	*586.376.133.707*	*465.104.151.700*
Dự phòng dao động lớn	*329.3*	*17(b)*	*128.422.312.303*	*116.219.854.613*
Nợ dài hạn	**330**		**1.533.049.333**	**3.476.405.933**
Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		1.503.049.333	3.446.405.933
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**928.605.438.157**	**900.230.468.341**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**928.605.438.157**	**900.230.468.341**
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		39.034.676.711	37.454.476.690
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		17.750.679.958	17.750.679.958
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		272.241.336.333	245.446.566.538
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.773.717.226.128**	**2.575.593.377.218**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2025	1/1/2025
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc – VND		87.672.054.464	136.350.425.089
Nợ khó đòi đã xử lý – VND		26.402.107.563	25.770.764.041
Ngoại tệ – USD	32(b)	1.062.354	1.361.855

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần I – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2025 VND	2024 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.281.345.336.208	1.250.751.633.361
Doanh thu hoạt động tài chính	12	74.634.271.076	101.959.977.699
Thu nhập khác	13	485.283.295	1.465.459.992
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.070.004.955.771	1.030.996.379.141
Chi phí hoạt động tài chính	22	10.376.742.469	6.972.712.463
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	232.707.378.046	233.449.089.277
Chi phí khác	24	1.517.007.067	683.120.898
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24)	**50**	**41.858.807.226**	**82.075.769.273**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.410.231.109	16.989.449.609
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1.155.424.312)	505.707.412
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	**60**	**31.604.000.429**	**64.580.612.252**
			(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**527**	**1.023**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	**01**		**1.549.732.171.287**	**1.494.444.987.900**
Trong đó:				
- *Phí bảo hiểm gốc*	*01.1*	*19(a)*	*1.436.098.406.607*	*1.357.031.379.358*
- *Phí nhận tái bảo hiểm*	*01.2*	*19(b)*	*169.291.363.052*	*169.313.600.537*
- *Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*	*01.3*	*17(a)(ii)*	*55.657.598.372*	*31.899.991.995*
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	**02**		**362.501.237.922**	**342.862.973.191**
Trong đó:				
- *Tổng phí nhượng tái bảo hiểm*	*02.1*	*20*	*385.144.000.776*	*323.915.887.813*
- *Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm*	*02.2*	*17(a)(ii)*	*22.642.762.854*	*(18.947.085.378)*
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	**03**		**1.187.230.933.365**	**1.151.582.014.709**
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		94.114.402.843	99.169.618.652
Trong đó:				
- *Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm*	*04.1*	*21*	*93.823.786.696*	*88.730.283.153*
- *Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm*	*04.2*		*290.616.147*	*10.439.335.499*
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	**10**		**1.281.345.336.208**	**1.250.751.633.361**
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11	22	574.015.240.391	567.311.526.467
Trong đó:				
- *Tổng chi bồi thường*	*11.1*		*581.847.157.708*	*575.142.396.261*
- *Các khoản giảm trừ (thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường)*	*11.2*		*7.831.917.317*	*7.830.869.794*
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23	162.357.606.389	121.334.070.526
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	17(a)(i)	121.271.982.007	164.021.584.718
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	17(a)(i)	64.468.717.333	151.923.306.564
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	**15**		**468.460.898.676**	**458.075.734.095**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	17(b)	12.202.457.690	12.024.290.921
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	24	589.341.599.405	560.896.354.125
Trong đó:				
- *Chi hoa hồng bảo hiểm*	*17.1*		*146.422.939.137*	*128.501.754.918*
- *Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm*	*17.2*		*442.918.660.268*	*432.394.599.207*
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	**18**		**1.070.004.955.771**	**1.030.996.379.141**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	**19**		**211.340.380.437**	**219.755.254.220**
Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	74.634.271.076	101.959.977.699
Chi phí hoạt động tài chính	24	26	10.376.742.469	6.972.712.463
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)	**25**		**64.257.528.607**	**94.987.265.236**
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	232.707.378.046	233.449.089.277
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 – 26)	**30**		**42.890.530.998**	**81.293.430.179**
Thu nhập khác	31		485.283.295	1.465.459.992
Chi phí khác	32		1.517.007.067	683.120.898
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	**40**		**(1.031.723.772)**	**782.339.094**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**41.858.807.226**	**82.075.769.273**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	11.410.231.109	16.989.449.609
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(1.155.424.312)	505.707.412
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	**60**		**31.604.000.429**	**64.580.612.252**
				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**527**	**1.023**

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ bảo hiểm và doanh thu khác	01	1.711.428.328.114	1.576.133.988.323
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	176.602.557.689	196.249.216.475
Tiền chi			
Tiền chi bồi thường bảo hiểm, chi hoa hồng và chi trả các khoản nợ khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm	02	(1.163.034.833.350)	(1.084.919.112.112)
Tiền chi trả người lao động	03	(290.358.769.149)	(251.771.611.732)
Tiền chi nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	05	(18.194.097.019)	(23.049.824.702)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(381.831.199.028)	(391.386.913.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**34.611.987.257**	**21.255.742.522**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.872.997.500)	(8.338.802.515)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.524.000.000.000)	(441.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.375.860.000.000	417.254.071.223
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	77.182.128.124	64.103.328.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(76.830.869.376)**	**32.018.597.044**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(350.278.873)	(2.989.008.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(350.278.873)**	**(2.989.008.379)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(42.569.160.992)**	**50.285.331.187**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**137.852.240.575**	**87.229.256.976**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**	**(48.087.433)**	**337.652.412**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	**70**	**95.234.992.150**	**137.852.240.575**

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995 và sau đó được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 9 tháng 6 năm 2017.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM") vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là "BLI".

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(c) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên tại các thành phố và tỉnh thành tại Việt Nam (1/1/2025: một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 978 nhân viên (1/1/2025: 970 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 ("Thông tư 232") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán áp dụng cho báo cáo tài chính được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày tính đến ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập như sau:

Tình trạng quá hạn	*Tỷ lệ dự phòng*
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(m)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(f) Ký quỹ bảo hiểm

Theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 ("Nghị định 46") của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Tổng Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Tổng Công ty chấm dứt hoạt động.

Ký quỹ bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 20 – 25 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm
- máy móc và thiết bị 6 – 13 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 4 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm. Tổng Công ty không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất lâu dài.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu gồm chi phí cải tạo, nâng cấp và trang trí văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được đề cập tại các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tổng Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 ("Công văn 792") và Công văn số 14381/BTC-QLBH ngày 15 tháng 9 năm 2025 ("Công văn 14381") do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

(i) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67, cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67.

"Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo" ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 14381.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 14381.

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành.

(ii) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 14381 và quy định tại Điều 35 của Thông tư 67, chi tiết như sau:

- Phương pháp 1/8: Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn). Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó;

- Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày (1/365): Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Tổng Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67, cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67.

"Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo" ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 14381.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 14381.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Các quỹ

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau.

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 67.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Khi rủi ro được hủy bỏ và cần hoàn lại phí bảo hiểm, phí bảo hiểm được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền phí bảo hiểm được hoàn phát sinh, nếu thích hợp.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(s) Doanh thu từ các hoạt động đầu tư

(i) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(t) Hoạt động tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(m)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi Tổng Công ty nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

(u) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong kỳ kế toán dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản chi phí bồi thường trong năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong kỳ kế toán liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các kỳ trước.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

(v) Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng phát sinh từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

(w) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(x) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(y) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại, Tổng Công ty có một bộ phận hoạt động kinh doanh là hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động trên một bộ phận địa lý là Việt Nam.

(z) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(aa) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(bb) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	1.511.238.933	3.209.185.519
Tiền gửi ngân hàng	68.723.753.217	114.643.055.056
Các khoản tương đương tiền (i)	25.000.000.000	20.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	95.234.992.150	137.852.240.575

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 4,75% (1/1/2025: 1,50%).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025				1/1/2025			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM								
PEG	198.800	4.174.800.000	783.272.000	(3.391.528.000)	199.351	4.186.371.000	1.574.872.900	(2.611.498.100)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Năng Động DC ("DCDS")	194.559,75	15.000.000.000	21.051.757.961	-	-	-	-	-
		19.174.800.000	21.835.029.961	(3.391.528.000)		4.186.371.000	1.574.872.900	(2.611.498.100)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	2.611.498.100	3.603.080.400
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	780.029.900	(991.582.300)
Số dư cuối năm	3.391.528.000	2.611.498.100

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn tại ngân hàng (i)	1.554.000.496.734	1.426.122.904.439
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn tại ngân hàng (ii)	21.000.000.000	-
• Trái phiếu (iii)	1.503.000.000	1.503.000.000
	22.503.000.000	1.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (iv)	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	21.000.000.000	-

(i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 3,04% đến 7,85% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: từ 3,04% đến 10,00%).

(ii) Số dư này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm là 3,25% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(iii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.

(iv) Số dư dự phòng này phản ánh dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đầu tư ngắn hạn khác		
• Ủy thác đầu tư (i)	45.229.761.811	47.129.179.580
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác (ii)	(1.464.629.854)	(878.369.265)
	43.765.131.957	46.250.810.315

(i) Số dư này phản ánh khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công có thời hạn gốc là 12 tháng mà theo đó Tổng Công ty chịu rủi ro đối với các khoản đầu tư thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư này.

(ii) Số dư dự phòng này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các chứng khoán thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	878.369.265	803.524.000
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	586.260.589	74.845.265
Số dư cuối năm	1.464.629.854	878.369.265

6. Các khoản phải thu

(a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	51.758.405.916	38.871.489.118
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	72.439.039.366	90.984.010.602
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	160.435.189.392	163.893.173.324
Phải thu phí đồng bảo hiểm	7.781.560.193	7.830.531.481
Phải thu khác	105.857.377	105.857.377
	292.520.052.244	301.685.061.902
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(d))	(17.087.782.223)	(17.459.153.935)
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm, thuần	275.432.270.021	284.225.907.967

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	36.175.283.705	55.094.727.288
Tạm ứng chi phí kinh doanh	40.040.415.431	35.776.778.997
Tạm ứng bồi thường	35.021.663.616	21.697.089.301
Phải thu lãi từ ủy thác đầu tư	9.053.995.238	6.121.729.257
Phải thu cổ tức	1.264.347.500	3.082.992.000
Ký quỹ ngắn hạn	3.597.679.314	2.120.624.509
Phải thu khác	12.033.414.987	8.722.390.068
	137.186.799.791	132.616.331.420
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(d))	(5.456.229.120)	(5.584.841.816)
Phải thu ngắn hạn khác, thuần	131.730.570.671	127.031.489.604

(c) Các khoản phải thu dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu dài hạn khác		
• Ký quỹ bảo hiểm (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
• Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	355.837.083	501.863.144
	12.355.837.083	12.501.863.144

(i) Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch và hưởng lãi suất năm là 3,05% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 4,3%).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(d) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	18.966.267.428	17.087.782.223	1.878.485.205	19.684.927.214	17.459.153.935	2.225.773.279
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.456.229.120	5.456.229.120	-	5.584.841.816	5.584.841.816	-
	24.422.496.548	22.544.011.343	1.878.485.205	25.269.769.030	23.043.995.751	2.225.773.279

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	23.043.995.751	34.481.629.448
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	131.411.114	1.506.043.963
Sử dụng dự phòng trong năm	(631.395.522)	(12.943.677.660)
Số dư cuối năm	22.544.011.343	23.043.995.751

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	54.703.208.371	50.173.824.017
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.694.440.428	4.902.349.286
	59.397.648.799	55.076.173.303

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	50.173.824.017	47.966.527.090
Tăng trong năm	150.952.323.491	130.709.051.845
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 24)	(146.422.939.137)	(128.501.754.918)
Số dư cuối năm	54.703.208.371	50.173.824.017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	7.604.225.652	1.481.297.319	8.465.995.356	46.523.416.092
Tăng trong năm	-	-	-	771.660.000	771.660.000
Thanh lý	-	(1.031.163.636)	-	-	(1.031.163.636)
Xóa sổ	-	-	-	(447.796.078)	(447.796.078)
Số dư cuối năm	28.971.897.765	6.573.062.016	1.481.297.319	8.789.859.278	45.816.116.378
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.777.868.143	5.135.588.847	1.481.297.319	6.997.817.153	29.392.571.462
Khấu hao trong năm	1.029.740.841	423.581.664	-	594.049.961	2.047.372.466
Thanh lý	-	(1.031.163.636)	-	-	(1.031.163.636)
Xóa sổ	-	-	-	(447.796.078)	(447.796.078)
Số dư cuối năm	16.807.608.984	4.528.006.875	1.481.297.319	7.144.071.036	29.960.984.214
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	13.194.029.622	2.468.636.805	-	1.468.178.203	17.130.844.630
Số dư cuối năm	12.164.288.781	2.045.055.141	-	1.645.788.242	15.855.132.164

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	7.604.225.652	1.481.297.319	7.014.693.356	45.072.114.092
Tăng trong năm	-	-	-	1.451.302.000	1.451.302.000
Số dư cuối năm	28.971.897.765	7.604.225.652	1.481.297.319	8.465.995.356	46.523.416.092
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.748.070.731	4.712.007.183	1.351.297.099	6.446.083.456	27.257.458.469
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	423.581.664	130.000.220	551.733.697	2.135.112.993
Số dư cuối năm	15.777.868.143	5.135.588.847	1.481.297.319	6.997.817.153	29.392.571.462
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	14.223.827.034	2.892.218.469	130.000.220	568.609.900	17.814.655.623
Số dư cuối năm	13.194.029.622	2.468.636.805	-	1.468.178.203	17.130.844.630

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 9.723 triệu VND (1/1/2025: 11.012 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(i) Khoản mục này bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180 triệu VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 15(i)).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	81.509.726.627	30.051.300.000	111.561.026.627
Tăng trong năm	-	210.000.000	210.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	-	165.000.000	165.000.000
Số dư cuối năm	81.509.726.627	30.426.300.000	111.936.026.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.143.558.039	13.823.658.447	19.967.216.486
Khấu hao trong năm	184.300.656	7.245.236.412	7.429.537.068
Số dư cuối năm	6.327.858.695	21.068.894.859	27.396.753.554
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	75.366.168.588	16.227.641.553	91.593.810.141
Số dư cuối năm	75.181.867.932	9.357.405.141	84.539.273.073

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	81.509.726.627	4.685.100.000	86.194.826.627
Tăng trong năm	-	2.861.970.000	2.861.970.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	-	22.504.230.000	22.504.230.000
Số dư cuối năm	81.509.726.627	30.051.300.000	111.561.026.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.959.257.383	4.221.022.828	10.180.280.211
Khấu hao trong năm	184.300.656	9.602.635.619	9.786.936.275
Số dư cuối năm	6.143.558.039	13.823.658.447	19.967.216.486
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	75.550.469.244	464.077.172	76.014.546.416
Số dư cuối năm	75.366.168.588	16.227.641.553	91.593.810.141

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 9.930 triệu VND (1/1/2025: 8.607 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(i) Khoản mục này bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.471 triệu VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 15(i)).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	7.098.212.500	21.382.300.322
Tăng trong năm	800.000.000	8.405.868.015
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(165.000.000)	(22.504.230.000)
Giảm trong năm	-	(185.725.837)
Số dư cuối năm	7.733.212.500	7.098.212.500

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 3)	4.441.712.500	4.392.212.500
Hệ thống quản lý trực tuyến Fast Business	3.291.500.000	2.706.000.000
	7.733.212.500	7.098.212.500

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí mua bảo hiểm cho nhân viên VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	19.234.361.667	1.066.137.984	861.267.711	554.857.257	21.716.624.619
Tăng trong năm	21.331.150.000	2.002.531.355	793.459.949	29.421.455	24.156.562.759
Phân bổ trong năm	(21.011.957.500)	(1.563.554.334)	(814.248.732)	(365.511.396)	(23.755.271.962)
Số dư cuối năm	19.553.554.167	1.505.115.005	840.478.928	218.767.316	22.117.915.416

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	6.809.770.575	5.654.346.263

13. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	245.861.448.920	200.554.932.532
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	17.601.550.101	17.293.951.435
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	20.055.943.644	72.470.849.466
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	19.399.782.265	18.817.989.356
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	3.475.881.332	4.985.121.065
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	396.163.482	985.754.088
	306.790.769.744	315.108.597.942

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/ cấn trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.845.792.204	72.776.200.644	(69.604.629.206)	12.017.363.642
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.019.210.756	11.410.231.109	(18.194.097.019)	235.344.846
Thuế thu nhập cá nhân	5.231.059.525	25.642.369.996	(25.366.349.014)	5.507.080.507
Thuế khác	502.288.326	1.743.451.737	(1.773.152.544)	472.587.519
	21.598.350.811	111.572.253.486	(114.938.227.783)	18.232.376.514

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả cổ tức	6.010.679.200	6.360.958.073
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (i)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (ii)	15.222.536.121	10.668.734.958
Phí tạm thu chờ phân bổ	12.448.933.135	15.167.687.522
Phải trả Quỹ Quản lý giám sát bảo hiểm	3.465.631.475	3.492.705.446
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	1.656.278.785	1.288.141.789
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	481.951.861	682.203.692
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	46.694.335	123.665.653
Phải trả khác	8.774.565.042	23.523.352.118
	57.243.633.590	70.443.812.887

(i) Số dư này phản ánh số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9).

(ii) Số dư này phản ánh số tiền bồi thường phân bổ cho các công ty tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	27.048.197.426	34.412.594.826
Tăng trong năm	98.210.325.363	81.365.885.753
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 21)	(93.823.786.696)	(88.730.283.153)
Số dư cuối năm	31.434.736.093	27.048.197.426

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

17. Dự phòng nghiệp vụ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	586.376.133.707	286.803.726.099	299.572.407.608
• *Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết*	*538.214.440.618*	*275.249.406.066*	*262.965.034.552*
• *Dự phòng IBNR*	*48.161.693.089*	*11.554.320.033*	*36.607.373.056*
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	663.546.657.822	128.064.395.273	535.482.262.549
	1.249.922.791.529	414.868.121.372	835.054.670.157

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	465.104.151.700	222.335.008.766	242.769.142.934
• *Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết*	*419.313.802.304*	*212.617.532.122*	*206.696.270.182*
• *Dự phòng IBNR*	*45.790.349.396*	*9.717.476.644*	*36.072.872.752*
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	607.889.059.450	105.421.632.419	502.467.427.031
	1.072.993.211.150	327.756.641.185	745.236.569.965

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	465.104.151.700	222.335.008.766	242.769.142.934
Trích lập dự phòng trong năm	121.271.982.007	64.468.717.333	56.803.264.674
Số dư cuối năm	586.376.133.707	286.803.726.099	299.572.407.608

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	301.082.566.982	70.411.702.202	230.670.864.780
Trích lập dự phòng trong năm	164.021.584.718	151.923.306.564	12.098.278.154
Số dư cuối năm	465.104.151.700	222.335.008.766	242.769.142.934

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	607.889.059.450	105.421.632.419	502.467.427.031
Trích lập dự phòng trong năm	55.657.598.372	22.642.762.854	33.014.835.518
Số dư cuối năm	663.546.657.822	128.064.395.273	535.482.262.549

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	575.989.067.455	124.368.717.797	451.620.349.658
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	31.899.991.995	(18.947.085.378)	50.847.077.373
Số dư cuối năm	607.889.059.450	105.421.632.419	502.467.427.031

(b) Dự phòng dao động lớn

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	116.219.854.613	104.195.563.692
Trích lập dự phòng trong năm	12.202.457.690	12.024.290.921
Số dư cuối năm	128.422.312.303	116.219.854.613

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

(a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND (i)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	34.225.446.077	17.750.679.958	185.349.855.208	836.904.726.398
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	64.580.612.252	64.580.612.252
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	3.229.030.613	-	(3.229.030.613)	-
Trích quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.254.870.309)	(1.254.870.309)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	37.454.476.690	17.750.679.958	245.446.566.538	900.230.468.341
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	31.604.000.429	31.604.000.429
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	1.580.200.021	-	(1.580.200.021)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.229.030.613)	(3.229.030.613)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	39.034.676.711	17.750.679.958	272.241.336.333	928.605.438.157

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh thực tế trong giai đoạn 2016 – 2022, Tổng Công ty sẽ trích tỷ lệ từ 5% – 20% nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) của từng năm để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và đang được ghi nhận ở khoản mục quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025.

(b) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(526)	(5.260.000)	(526)	(5.260.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	599.994.740.000	59.999.474	599.994.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Các cổ đông cá nhân khác	7.013.481	11,69%
	59.999.474	100%

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu phí bảo hiểm

(a) Phí bảo hiểm gốc

	2025 VND	2024 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	544.842.716.086	503.130.850.670
Bảo hiểm con người	378.235.487.138	387.752.503.401
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	255.237.666.466	254.723.912.066
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	105.819.453.814	101.499.000.123
Bảo hiểm tàu thuyền	64.207.497.347	56.229.162.643
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	81.693.698.875	47.090.202.839
Bảo hiểm thuyền viên	6.061.886.881	6.605.747.616
	1.436.098.406.607	1.357.031.379.358

(b) Phí nhận tái bảo hiểm

	2025 VND	2024 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	2.139.486.904	9.672.441.532
Bảo hiểm con người	724.225.521	8.202.906.393
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	154.409.575.431	132.081.818.523
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	745.538.001	754.611.817
Bảo hiểm tàu thuyền	233.752.559	164.619.568
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	11.038.784.636	18.437.202.704
	169.291.363.052	169.313.600.537

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

20. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm

	2025 VND	2024 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	(8.119.120)	685.345.124
Bảo hiểm con người	106.992.978.523	106.921.442.987
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	197.645.664.027	146.009.346.700
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	32.374.556.861	32.492.835.671
Bảo hiểm tàu thuyền	20.258.465.230	16.489.823.244
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	27.250.163.040	20.491.597.564
Bảo hiểm thuyền viên	630.292.215	825.496.523
	385.144.000.776	323.915.887.813

21. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

	2025 VND	2024 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	(509.776.900)	8.274.930.119
Bảo hiểm con người	18.950.029.778	17.390.782.677
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	46.264.706.312	49.288.963.379
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	9.526.741.026	6.749.643.928
Bảo hiểm tàu thuyền	3.132.608.683	2.263.272.230
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	16.459.477.797	4.762.690.820
	93.823.786.696	88.730.283.153

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

22. Chi bồi thường

	2025 VND	2024 VND
Chi bồi thường		
• Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	535.398.010.904	497.577.756.554
• Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	46.449.146.804	77.564.639.707
	581.847.157.708	575.142.396.261
Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường		
• Thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường	(7.831.917.317)	(7.830.869.794)
	574.015.240.391	567.311.526.467

(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	2025 VND	2024 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	224.084.239.631	230.996.576.701
Bảo hiểm con người	182.987.775.682	149.073.989.359
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	85.270.160.672	52.149.753.796
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	26.702.967.960	29.384.782.628
Bảo hiểm tàu thuyền	11.857.796.603	27.096.501.068
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.841.562.811	8.321.369.002
Bảo hiểm thuyền viên	653.507.545	554.784.000
	535.398.010.904	497.577.756.554

(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	2025 VND	2024 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	3.640.806.799	5.851.853.601
Bảo hiểm con người	43.306.114	29.608.419.979
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	39.178.883.000	39.487.964.432
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	320.166.662	317.459.007
Bảo hiểm tàu thuyền	191.916.090	927.215.590
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.074.068.139	1.371.727.098
	46.449.146.804	77.564.639.707

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

23. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	2025 VND	2024 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	1.151.226.397	15.865.540.096
Bảo hiểm con người	59.416.311.043	51.595.526.039
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	86.016.666.985	34.626.413.436
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	8.796.633.480	8.760.905.111
Bảo hiểm tàu thuyền	3.620.705.793	4.953.433.056
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.356.062.691	5.532.252.788
	162.357.606.389	121.334.070.526

24. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2025 VND	2024 VND
Chi hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 7(i))	146.422.939.137	128.501.754.918
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		
• *Chi phí phát triển kinh doanh*	*74.049.244.952*	*139.867.540.324*
• *Chi phí nhân viên*	*234.246.671.945*	*176.390.320.457*
• *Chi phí dịch vụ mua ngoài*	*71.433.892.922*	*64.104.032.609*
• *Chi phí giám định tổn thất*	*20.981.982.356*	*18.402.051.851*
• *Công cụ, dụng cụ*	*1.508.794.463*	*2.703.302.534*
• *Chi phí khác*	*40.698.073.630*	*30.927.351.432*
	442.918.660.268	432.394.599.207
	589.341.599.405	560.896.354.125

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn	58.962.353.665	76.569.957.335
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	11.205.978.533
Cổ tức được chia	1.264.347.500	2.895.117.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.360.148.467	5.390.612.896
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	9.047.421.444	5.898.311.935
	74.634.271.076	101.959.977.699

26. Chi phí hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.088.322.988	2.189.468.436
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.922.128.992	5.699.981.062
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5(a))	780.029.900	(991.582.300)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán thuộc hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh 5(c))	586.260.589	74.845.265
	10.376.742.469	6.972.712.463

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	164.123.739.775	158.291.431.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.742.518.389	46.776.448.515
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 6(d))	131.411.114	1.506.043.963
Công cụ và dụng cụ	9.350.587.749	8.907.475.555
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.794.180.276	5.961.948.870
Chi phí khấu hao	9.476.909.534	11.922.049.268
Thuế và phí	88.031.209	83.691.118
	232.707.378.046	233.449.089.277

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	9.904.539.699	16.521.566.009
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.505.691.410	467.883.600
	11.410.231.109	16.989.449.609
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.155.424.312)	505.707.412
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.254.806.797	17.495.157.021

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.858.807.226	82.075.769.273
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	8.371.761.445	16.415.153.855
Chi phí không được khấu trừ thuế	630.223.442	1.191.142.966
Thu nhập không bị tính thuế (cổ tức)	(252.869.500)	(579.023.400)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.505.691.410	467.883.600
	10.254.806.797	17.495.157.021

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND (Điều chỉnh lại)	2024 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần trong năm	31.604.000.429	64.580.612.252	64.580.612.252
Trích lập quỹ thù lao HĐQT và BKS (*)	-	(3.229.030.613)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	31.604.000.429	61.351.581.639	64.580.612.252

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm 2024 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 4 năm 2025. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm 2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm 2025 sẽ được điều chỉnh tương ứng.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025 Cổ phiếu	2024 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	59.999.474	59.999.474
Cô phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	59.999.474	59.999.474

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND/cổ phiếu	2024 VND/cổ phiếu (Điều chỉnh lại)	2024 VND/cổ phiếu (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	527	1.023	1.076

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu. chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào. và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu. trái phiếu. tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	93.723.753.217	134.643.055.056
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	1.554.000.496.734	1.426.122.904.439
Ủy thác đầu tư – tiền gửi ngân hàng	(i)	9.607.984.959	3.482.294.127
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iii)	292.520.052.244	301.685.061.902
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	(iii)	36.175.283.705	55.094.727.288
Ký quỹ ngắn hạn	(iii)	3.597.679.314	2.120.624.509
Phải thu khác	(iii)	62.392.173.156	53.703.890.322
Ký quỹ bảo hiểm	(i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	(iii)	355.837.083	501.863.144
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	21.000.000.000	-
Trái phiếu – dài hạn	(ii)	1.503.000.000	1.503.000.000
Tài sản dài hạn khác	(iii)	12.650.467.705	13.617.231.444
		2.099.526.728.117	2.004.474.652.231

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán nợ của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty.

(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	7.927.875.632	25.368.468.917
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	968.100.640	3.897.795.314
Quá hạn trên 180 ngày	6.566.773	312.834.443
	8.902.543.045	29.579.098.674

Các khoản phải thu bị quá hạn và đã được trích lập dự phòng tại ngày báo cáo được trình bày trong Thuyết minh 6(d).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	306.790.769.744	306.790.769.744	306.790.769.744
Phải trả cổ tức	6.010.679.200	6.010.679.200	6.010.679.200
Chi phí phải trả	21.804.816.129	21.804.816.129	21.804.816.129
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.768.842.713	12.768.842.713	12.768.842.713
	347.375.107.786	347.375.107.786	347.375.107.786

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	315.108.597.942	315.108.597.942	315.108.597.942
Phải trả cổ tức	6.360.958.073	6.360.958.073	6.360.958.073
Chi phí phải trả	21.560.749.002	21.560.749.002	21.560.749.002
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	27.821.926.909	27.821.926.909	27.821.926.909
	370.852.231.926	370.852.231.926	370.852.231.926

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	93.723.753.217	134.643.055.056
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	1.554.000.496.734	1.426.122.904.439
Ủy thác đầu tư – tiền gửi ngân hàng	9.607.984.959	3.482.294.127
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	21.000.000.000	-
Trái phiếu – dài hạn	1.503.000.000	1.503.000.000

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn kinh doanh niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ. Ban Điều hành của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Tổng Công ty là không đáng kể vì Tổng Công ty nắm giữ danh mục chứng khoán vốn kinh doanh niêm yết không trọng yếu.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, chi tiết như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
• Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM	783.272.000	783.272.000	1.574.872.900	1.574.872.900
• Chứng khoán kinh doanh – chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	15.000.000.000	21.051.757.961	-	-
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
• Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	1.554.000.496.734	(*)	1.426.122.904.439	(*)
• Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	21.000.000.000	(*)	-	-
• Trái phiếu – dài hạn	-	(*)	-	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền các khoản tương đương tiền	95.234.992.150	95.234.992.150	137.852.240.575	137.852.240.575
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – thuần	275.432.270.021	(*)	284.225.907.967	(*)
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	36.175.283.705	(*)	55.094.727.288	(*)
Ký quỹ ngắn hạn	3.597.679.314	(*)	2.120.624.509	(*)
Phải thu khác	62.392.173.156	(*)	53.703.890.322	(*)
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	355.837.083	(*)	501.863.144	(*)
Tài sản dài hạn khác	12.650.467.705	(*)	13.617.231.444	(*)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
• Đầu tư ngắn hạn khác	43.765.131.957	(*)	46.250.810.315	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
• Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	(306.790.769.744)	(*)	(315.108.597.942)	(*)
• Phải trả cổ tức	(6.010.679.200)	(*)	(6.360.958.073)	(*)
• Chi phí phải trả	(21.804.816.129)	(*)	(21.560.749.002)	(*)
• Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(12.768.842.713)	(*)	(27.821.926.909)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu đã niêm yết được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá trị hợp lý là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được quỹ công bố. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định. thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 67 và Công văn 14381.

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 14381.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ. rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông,. mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Tổng Công ty duy trì biên khả năng thanh toán tối thiểu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Nghị định 46.

Biên khả năng thanh toán tối thiểu của công ty bảo hiểm phi nhân thọ sẽ là giá trị lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25,0% trong tổng số phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán;
- 12,5% trong tổng số phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán.

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	708.489.057.399	305.061.442.221	232%
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	687.702.442.632	300.607.273.021	229%

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	13.196.530.408	8.726.197.158
Trong vòng hai đến năm năm	16.300.670.139	14.448.353.345
Trên năm năm	741.000.000	741.000.000
	30.238.200.547	23.915.550.503

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.062.354	27.747.065.081	1.361.855	34.407.661.722

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

(a) Số dư với các bên liên quan

	Phải thu/(Phải trả)	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Tiền gửi thanh toán	27.930.392.211	35.114.720.460
Tiền gửi có kỳ hạn	1.219.000.496.734	1.160.122.904.439
Dự thu lãi tiền gửi	26.002.358.531	45.488.183.868
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000
Các bên liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – cổ đông lớn		
Tiền gửi thanh toán	2.674.702.573	8.411.924.190
Tiền gửi có kỳ hạn	23.000.000.000	43.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	852.098.492	1.508.935.015
Thành viên Ban Điều hành		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	(615.508.334)	(608.200.000)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch phát sinh với các bên liên quan

	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	1.194.000.000.000	300.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	1.135.860.000.000	277.339.941.901
Thu nhập lãi tiền gửi	40.606.228.315	59.330.948.330
Phí dịch vụ ngân hàng	14.511.200	10.912.000
Cổ đông lớn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23.000.000.000	43.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	52.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	1.437.148.746	2.922.232.691
Phí dịch vụ ngân hàng	158.968.239	307.780.166
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	3.068.000.000	4.062.870.309
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	208.000.000	264.000.000
Thành viên Ban Điều hành		
Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác	8.076.768.334	7.982.340.000

34. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2025 VND	2024 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	335.509.625	325.737.500
Phí cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính)	272.248.500	169.950.000

Các mức phí trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2025 VND	2024 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	10.000.000	4.101.337.500

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX	TÊN GIÁM ĐỐC/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ	EMAIL
1	**Bảo Long Thái Nguyên**	**Số 2, Tổ 19, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên**	0208.3651115	0208.3651113	Phạm Đức Ngọc	Phó Giám đốc Phụ trách	0975.607.607	ngoc_pd@baohiembaolong.vn
1.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cao Bằng	Đã ngừng hoạt động						
1.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Lạng Sơn	Đã ngừng hoạt động						
2	**Bảo Long Quảng Ninh**	**Tầng 3 - 6 Căn nhà Ở số 3, Ô số 4* QH đất xen kẹp Nhà văn hóa khu 6A, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**	02033.819295	02033.815185	Nguyễn Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0916.626.888	lan_nn@baohiembaolong.vn
2.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cẩm Phả	Số 554, Đường Trần Phú, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	02033.710555					
2.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Uông Bí	Số 412, tầng 3, tòa nhà Việt Phúc Plaza Tổ 30, khu 8, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh	02033.669456	02033.664889				
3	**Bảo Long Phú Thọ**	**Tầng 5, Tòa Nhà MB Việt Trì, 1596 Hùng Vương, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ**	0210.3652999	0210.3652288	Lê Thành Đô	Giám đốc	0913.282.255	do_lt@baohiembaolong.vn
3.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Lào Cai	Số 299, Trần Thái Tông, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	Không sử dụng	Không sử dụng				
3.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Yên Bái	Số 325 Đường Lê Hồng Phong, Phường Hồng Hà, TP. Yên Bái						
4	**Bảo Long Hà Nội**	**Tầng 2 và tầng 3, số 49 Ngõ Quyền, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội**	024.37629070	024.37629045	Khuất Duy Hải	Giám đốc	0906.936.888	hai_kd@baohiembaolong.vn
4.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đông Anh	Số 140, Tổ 3, Xã Đông Anh, TP. Hà Nội						
4.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Việt Yên	Đã ngừng hoạt động						
5	**Bảo Long Thủ Đô**	**Tầng 3, số 49 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội**	024.37824330	024.37824331	Phạm Thị Thảo	Giám đốc	0913.062.981	thao_pt@baohiembaolong.vn
6	**Bảo Long Thăng Long**	**Tầng 2, số 49 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội**	024.71086033	024.71086033	Trịnh Thúy Nga	Giám đốc	0989.135.930	nga_tt@baohiembaolong.vn
7	**Bảo Long Hải Phòng**	**Tầng 7, Tòa nhà CPN, Số 07 Lê Hồng Phong, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**	02253.686999	02253.686888	Nguyễn Thị Thuyết	Giám đốc	0978.694.461	thuyet_nt@baohiembaolong.vn
7.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nội	5/273/62 Cổ Nhuế, Tổ dân phố Viên 2, Phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội						
7.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Hưng Yên	Xóm 2 thôn Mễ Xá, Xã Nguyễn Trãi, Tỉnh Hưng Yên	0913.819.568					
8	**Bảo Long Thanh Hóa**	**Tầng 3, Số 154, Đường Lạc Long Quân, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa**	0237.3855658	0237.3859658	Nguyễn Văn Toan	Giám đốc	0949.147.159	toan_nv@baohiembaolong.vn
8.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bỉm Sơn	Tổ 3, Khu phố 7, Phường Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX	TÊN GIÁM ĐỐC/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ	EMAIL
8.2	Phòng kinh doanh 1	Khu phố Xuân Lưu, Phường Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa						
8.3	Phòng kinh doanh Khu vực Ngọc Lặc	Đã ngừng hoạt động						
8.4	Phòng kinh doanh Khu vực Như Thanh	Đã ngừng hoạt động						
8.5	Phòng kinh doanh Khu vực Triệu Sơn	Thôn Lọc Trạch, Xã Đồng Tiến, Tỉnh Thanh Hóa						
8.6	Phòng kinh doanh Khu vực Nghi Sơn	Tiểu khu 6, Phường Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa						
9	**Bảo Long KV Bắc Trung Bộ**	**Số 03 Đường Mai Hắc Đế, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An**	**0238.3575368**	**0238.3575268**	**Bùi Huy Thắng**	**Giám đốc**	**0912.601.213**	**thang_bh@baohiembaolong.vn**
9.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Tĩnh	Số 365 Đường Trần Phú, Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh						
9.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Nghệ An	Khối 3, Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An						
9.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nghệ An	Số nhà 437, Đường Phủ Quỳ, Khối Tân Phú, Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An						
9.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Đô Lương	Xóm Khánh Thế, Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An						
9.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Quỳnh Lưu	Thôn 2 Quỳnh Hồng, Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An						
10	**Bảo Long KV Trung Bộ**	**56 Nguyễn Khuyến, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế**	**0234.3978255**	**0234.3879099**	**Lê Hồng Nguyên**	**Giám đốc**	**0913.400.427**	**nguyen_lh@baohiembaolong.vn**
10.1	Phòng Kinh doanh Quảng Trị	291 Quốc lộ 9, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị						
11	**Bảo Long KV Tây Nguyên**	**161 Ngô Quyền, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk**	**0262.8553789**	**0262.3968768**	**Dương Đức Tiến**	**Giám đốc**	**0903.557.999**	**tien_dd@baohiembaolong.vn**
11.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đăk Nông	Tổ 2, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX	TÊN GIÁM ĐỐC/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ	EMAIL
11.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Eakar	135 Đường Quang Trung, Thôn 1a, Xã Eakar, Tỉnh Đắk Lắk						
12	**Bảo Long Đà Nẵng**	**196 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng**	**0236.3840890**	**0236.3840656**	**Nguyễn Văn Ba**	**Giám đốc**	**0983.272.742**	**ba_nv@baohiembaolong.vn**
12.1	Trung tâm KD Sông Hàn	196 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng						
12.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Kỳ	Lô A1 QL1A, KDC Bắc Tân Thạnh, Phường Bàn Thạch, TP. Đà Nẵng (VP Tam Kỳ)						
12.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Quảng Nam	196 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng						
13	**Bảo Long Quảng Ngãi**	**Số 98 Đường Trường Chinh, Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi**	**0255.6556999**	**0255.3836181**	**Lê Nguyễn Minh Quang**	**Giám đốc**	**0969.659.977**	**quang_lnm@baohiembaolong.vn**
13.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Núi Thành	Đã ngừng hoạt động						
13.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Quảng Nam	79B Huỳnh Ngọc Huệ, Tổ 38HK, Phường Thanh Khê, Đà Nẵng						
13.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Bình Sơn	Thôn 4, Xã Vạn Tường , Tỉnh Quảng Ngãi						
13.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Quảng Ngãi	319 Bà Triệu, P. Kon Tum, Tỉnh Quảng Ngãi						
14	**Bảo Long Phú Yên**	**242, 244, 246 Hùng Vương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk**	**02573.821979**	**02573.810409 0257.813199**	**Trần Nam Hoàng**	**Giám đốc**	**0914.090.676**	**hoang_tn@baohiembaolong.vn**
14.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đông Hòa	Đã ngừng hoạt động						
14.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tuy An	Đã ngừng hoạt động						
14.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Sông Cầu	Tổ dân phố Long Hải, Phường Sông Cầu, Tỉnh Đắk Lắk	0573.876616	0573.876616	Nguyễn Văn Thận	Trưởng phòng	0914.254.018	than_nv@baohiembaolong.vn
15	**Bảo Long Bình Định**	**Số 272 Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai**	**0256.3846350**	**0256.3846380**	**Trần Nam Hoàng**	**Giám đốc**	**0914.090.676**	**hoang_tn@baohiembaolong.vn**
15.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Cát	Đã ngừng hoạt động						
15.2	Phòng Kinh doanh Khu vực An Nhơn	Đã ngừng hoạt động						
15.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hoài Nhơn	Đã ngừng hoạt động						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX	TÊN GIÁM ĐỐC/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ	EMAIL
15.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Mỹ	Đã ngừng hoạt động						
15.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Sơn	Đã ngừng hoạt động						
16	**Bảo Long Khánh Hòa**	**236 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa**	02583.515229 02583.516609	02583 515209 02583 516609	Trương Văn Hiếu	Giám đốc	0914.008.489	hieu_tv@baohiembaolong.vn
16.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Thuận	Chung cư Hacom TMDV 1.09, Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hoà						
16.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Hòa	441 Trần Nhật Duật, Phường Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hoà						
16.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Cam Ranh	131 Phạm Văn Đồng, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh hoà						
16.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Vạn Ninh	70A Lê Đại Hành, Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hoà						
17	**Bảo Long Bình Thuận**	**47 Phạm Văn Đồng, Khu phố 6, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng**	252.6253179	0252.6253179	Lê Văn Ngọc	Giám đốc	0903.816.819	ngoc_lv@baohiembaolong.vn
18	**Bảo Long Bình Dương**	**126 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh**	0274.3837108	0274.3837109	Phan Văn Xứng	Giám đốc	0918.056.953	xung_pv@baohiembaolong.vn
18.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Phú Giáo	Số 47, Đường Hùng Vương, Ấp 2, Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh						
19	**Bảo Long Đồng Nai**	**BN4 LK20, Đường N1, KP 6, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai**	02513.822112 02513.918095	02513.822966	Mai Lâm Quí	Giám đốc	0903.649.479	qui_ml@baohiembaolong.vn
20	**Bảo Long Vũng Tàu**	**Tầng 4, Tòa nhà 89 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh**	02543.591033	02543.591932	Lê Văn Ngọc	Giám đốc	0903.816.819	ngoc_lv@baohiembaolong.vn
20.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bà Rịa	Số 09 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh						
20.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Phước Tỉnh	Tổ 8, Ấp Lò Vôi, Xã Long Hải, TP. Hồ Chí Minh						
20.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Phú Mỹ	Tổ 4, Khu Phố Song Vĩnh, Phường Tân Phước, TP. Hồ Chí Minh						
21	**Sở giao dịch Bảo Long**	**302A Nguyễn Thượng Hiền, Phường Đức Nhuận, TP. Hồ Chí Minh**	028.35172915	028.35172921	Lê Thanh Hằng	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0903.813.947	hang_lt@baohiembaolong.vn
21.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Khu Công nghệ cao	Đã ngừng hoạt động						
22	**Bảo Long Bến Thành**	**Văn phòng 601 (Tầng 6) tòa nhà 75 Hồ Hảo Hớn, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh**	028.39145312	028.39145311	Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0903.872.727	nam_tt@baohiembaolong.vn

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX	TÊN GIÁM ĐỐC/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ	EMAIL
23	**Bảo Long TP. HCM**	**Tầng 4, Tòa Nhà Số 50Bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh**	028.38296268	028.38296269	Nguyễn Kiều Nam	Giám đốc	0913.929.158	thom_nv@baohiembaolong.vn
24	**Bảo Long Sài Gòn**	**60 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh**	028.39202288	028.39204556	Nguyễn Quang Huy	Giám đốc	0903.814.206	huynq@baohiembaolong.vn
24.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Củ Chi	Đã ngừng hoạt động						
25	**Bảo Long Nam Sài Gòn**	**Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh**	028.38537990	028.38536079	Trần Thị Tuyết Lan	Giám đốc	0909.344.268	lan_ttt@baohiembaolong.vn
26	**Bảo Long Gia Định**	**59 Phan Bá Phiến, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh**	028.35264405	028.35261158	Mai Xuân Thảo	Phó TGĐ Kinh doanh	0903.776.270	thao_mx@baohiembaolong.vn
27	**Bảo Long Tân Sơn Nhất**	**Tầng 6, số 205B Hoàng Hoa Thám, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh**	028.39903119	028.39903117	Nguyễn Minh Phong	Giám đốc	0903.705.588	phong_nm@baohiembaolong.vn
28	**Bảo Long Long An**	**Tầng 4, tòa nhà số 68A, Hùng Vương, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh**	02723.550677	02723.550477	Đỗ Công Phi	Giám đốc	0932.874.347	phi_dc@baohiembaolong.vn
28.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tiền Giang	Đã ngừng hoạt động						
29	**Bảo Long Cần Thơ**	**Số 20 Trần Văn Trà, KDC Hưng Phú 1, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ**	02923.834117		Đoàn Minh Thi	Giám đốc	0903.012.619	thi_dm@baohiembaolong.vn
29.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Vĩnh Long	249/4/17 Phạm Thái Bường, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long						
29.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Hậu Giang	Đã ngừng hoạt động						
29.3	Phòng Kinh doanh Khu vực An Giang	Đã ngừng hoạt động						
30	**Bảo Long Cà Mau**	**Số 39, Đường Hồ Trung Thành, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau**	0290.3520557	0290.3520556	Đoàn Minh Thi	Giám đốc	0903.012.619	thi_dm@baohiembaolong.vn
30.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bạc Liêu	14 Lý Thường Kiệt, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau						
31	**Bảo Long Lâm Đồng**	**Số 2B Đường Ba Tháng Tư, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**	0263.3837568	0263.3837268	Phạm Ý Vượt	Giám đốc	0911.313.339	vuot_py@baohiembaolong.vn
31.1	Phòng Kinh doanh Bảo Lộc	Hẻm 250 Trần Phú, Phường B'lao, Tỉnh Lâm Đồng						
31.2	Phòng Kinh doanh Đức Trọng	415 Quốc Lộ 20, Xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng						
32	**Bảo Long Gia Lai**	**45 Nguyễn Tất Thành, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai**	02693.829767	02693.714243	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	0967.796.336	dung_nv1@baohiembaolong.vn
33	**Bảo Long Kiên Giang**	**Số L7-13 Đường Trần Quang Khải, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang**	02973.777786	02973.777792	Đoàn Minh Thi	Giám đốc	0903.002.290	tung_nt@baohiembaolong.vn
33.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Tháp	27 Nguyễn Văn Biểu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX	TÊN GIÁM ĐỐC/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ	EMAIL
34	Bảo Long Đông Sài Gòn	103A-105-107 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh	028.38279478	028.38239254	Phạm Hoàng Chinh	Phó Giám đốc Phụ trách	0907.124.218	chinh_ph@baohiembaolong.vn
35	Bảo Long Quảng Bình	261 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị	0232.3838233	0232.3838234	Nguyễn Lê Quang	Giám đốc	0983.549.659	quang_nl@baohiembaolong.vn
35.1	Phòng Kinh doanh khu vực Quảng Trạch	261 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị						
35.2	Phòng Kinh doanh khu vực Bố Trạch	68 Trần Phú - Xã Hoàn Lão - Tỉnh Quảng Trị						
36	Bảo Long Bắc Ninh	Tầng 2 căn nhà số 48-50 Minh Khai, Tổ 8, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3861666	0222.3634567	Phan Văn Hiếu	Giám đốc	0909.090.269	hai_nq@baohiembaolong.vn
37	Bảo Long Đông Phương	Lầu 5, tòa nhà SFC Building số 146E Nguyễn Đình Chính, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	028.39505014 028.39505015	028.39505013	Tô Thanh Trà	Giám đốc	0903.760.145	tra_tt@baohiembaolong.vn
38	Bảo Long Hải Dương	Tầng 5, Tòa nhà Vĩnh Lộc, Số 188 Đường Trường Chinh, Phường Lê Thanh Nghị, Thành Phố Hải Phòng	0220.3833999	Đang cập nhật	Nguyễn Như Thắng	Giám đốc	0989.002.288	thang_nn@baohiembaolong.vn
38.1	Phòng Kinh doanh khu vực Chí Linh	Số 27 Trần Phú, Tổ DP Nguyễn Trãi 2, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng						
38.2	Phòng Kinh doanh khu vực Kinh Môn	Đã ngừng hoạt động						
39	Bảo Long Nam Định	Tầng 5 lô 32+33 CL14, Khu đô thị Dệt, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình	0228.3511199	0228.3511199	Nguyễn Mạnh Thắng	Giám đốc	0978.667.766	thang_nm@baohiembaolong.vn
39.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	Đã ngừng hoạt động						
39.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Phương Nam	Đã ngừng hoạt động						
39.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Nam Hà	Số 83C Đường Trần Hưng Đạo, Phường Phủ Lý, Tỉnh Ninh Bình						
40	Bảo Long Vĩnh Phúc	Tầng 5, Tòa nhà Thiên Ân, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ	0211.6251186	0211.6251186	Phạm Văn Hải	Giám đốc	0915.468.369	hai_pv@baohiembaolong.vn
40.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Thành	Đã ngừng hoạt động						
41	Bảo Long Đông Hải	Tầng 8 tòa nhà 9 tầng, Nhà khách Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	02253.816666	02253.250599	Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	0903.637.738	nam_nk@baohiembaolong.vn
41.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Khoái Châu	Đã ngừng hoạt động						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX	TÊN GIÁM ĐỐC/ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ	CHỨC VỤ	ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ	EMAIL
42	Sở Giao dịch miền Bắc	Tầng 1, số 49 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội	024.4450108		Trịnh Công Sự	Giám đốc	0934.455.093	su_tc@baohiembaolong.vn
42.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Bắc	Đã ngừng hoạt động						
43	Bảo Long Ninh Bình	Tầng 2, TTTM Bình An Nhiên, Số 06, Đường Lê Hồng Phong, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	0229.3876899	0229.3875899	Hoàng Hải Hà	Giám đốc	0911.948.999	ha_hh@baohiembaolong.vn
43.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Yên Khánh	Phố 1, Xã Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình						
43.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Điệp	Phường Trung Sơn, Tỉnh Ninh Bình						
43.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nam	170 Đường Lê Công Thanh, Phường Phủ Lý , Tỉnh Ninh Bình	03513889269	03513889269				
44	Bảo Long Thái Bình	Tầng 2, Lô 20+22/TT4G Dự án khu phố 3, Khu Đô thị mới THĐ, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	0227.6528666	0227.3658966	Trần Minh Đại	Giám đốc	0983.552.668	dai_tm@baohiembaolong.vn
45	Bảo Long Đông Đô	Tầng 5, số 49 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội	024.66641786		Khuất Duy Hải	Giám đốc	0906.936.888	hai_kd@baohiembaolong.vn
45.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Đức - Hà Tây	Đã ngừng hoạt động						
46	Bảo Long Tây Ninh	167 Nguyễn Trãi, khu phố 13, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh	0276.3846666	0276.3627666	Lê Văn Ngọc	Giám đốc	0903.637.738	nam_nk@baohiembaolong.vn
46.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Trảng Bàng	Đã ngừng hoạt động						
47	Trung tâm kinh doanh Thủ Thiêm	Tầng 4, Tòa Nhà Số 50Bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh			Nguyễn Phú Yên	Giám đốc	0904.003.553	yen_np1@baohiembaolong.vn
49	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Chi nhánh Đồng Tháp	Số 27 Đường Nguyễn Văn Biểu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp			Phạm Thị Ngọc Ánh			

Gala Dinner
BAO LONG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 185 Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh
- (84.28) 3823 9219
- (84.28) 3822 8967
- info@baohiembaolong.vn
- baolonginsurance.com.vn